

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH
HỌC VIỆN BÁO CHÍ VÀ TUYÊN TRUYỀN

ĐỀ ÁN

ĐĂNG KÝ MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO
TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ QUẢN LÝ KINH TẾ

MÃ SỐ: 8310110

Hà Nội, 2024

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH
HỌC VIỆN BÁO CHÍ VÀ TUYÊN TRUYỀN

TỜ TRÌNH

ĐĂNG KÝ MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO
TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ QUẢN LÝ KINH TẾ

MÃ SỐ: 8310110

Hà Nội, 2024

MỤC LỤC

TT	NỘI DUNG	TRANG
1	Tờ trình đăng ký mở ngành đào tạo trình độ thạc sĩ Quản lý kinh tế	1
2	Phần 1: Sự cần thiết phải xây dựng Đề án thạc sĩ Quản lý kinh tế	6
3	Phần 2: Năng lực của cơ sở đào tạo	25
4	Phần 3: Chương trình và Kế hoạch đào tạo	44
5	Phần 4: Đề cương chi tiết học phần	71
5.1	Triết học	71
5.2	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	78
5.3	Chính trị học nâng cao	83
5.4	Thực tế kinh tế xã hội 1	88
5.5	Thực tế kinh tế xã hội 2	93
5.6	Lý thuyết kinh tế vi mô và ứng dụng	98
5.7	Lý thuyết kinh tế vĩ mô và ứng dụng	104
5.8	Kinh tế phát triển bền vững	110
5.9	Sự tiến triển của các lý luận về quản lý kinh tế trong lịch sử	117
5.10	Những vấn đề cơ bản của QHKTQT trong thời đại ngày nay	123
5.11	Những vấn đề quản lý kinh tế hiện đại	129
5.12	Kế hoạch hóa phát triển kinh tế	135
5.13	Khoa học tổ chức trong quản lý kinh tế	142
5.14	Khoa học kiểm soát trong quản lý kinh tế	148
5.15	Khoa học lãnh đạo trong quản lý kinh tế	155
5.16	Quản lý tài chính công	161
5.17	Giá trị học thuyết kinh tế của Các Mác trong thời đại ngày nay	168
5.18	Giá trị học thuyết kinh tế của V.I.Lênin trong thời đại ngày nay	175
5.19	Những vấn đề kinh tế chính trị trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội	180
5.20	Phân tích chính sách kinh tế-lý thuyết và ứng dụng	186
5.21	Luận văn	191

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA
HỒ CHÍ MINH

HỌC VIỆN BÁO CHÍ VÀ TUYÊN TRUYỀN

*

Số 6593/TTr-HVBCTT-ĐT

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Hà Nội, ngày 06 tháng 11 năm 2024

TỜ TRÌNH

Đăng ký mở ngành đào tạo trình độ Thạc sĩ Quản lý kinh tế

Kính gửi: - Bộ Giáo dục và Đào tạo;

- Vụ Giáo dục Đại học,

Căn cứ Quyết định số 369-QĐ/HVCTQG ngày 22/5/2024 của Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy của Học viện Báo chí và Tuyên truyền;

Căn cứ Luật Giáo dục đại học số 08/2012/QH13 ngày 18/06/2012 và Luật số 34/2018/QH14 ngày 19/11/2018 của Quốc hội ban hành Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học; Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 ngày 14/6/2019 của Quốc hội ban hành;

Căn cứ Thông tư số 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16/4/2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục Đào tạo về khối lượng kiến thức tối thiểu, năng lực người học đối với trình độ đào tạo đại học, thạc sĩ và tiến sĩ;

Căn cứ Quyết định số 1982 /QĐ-TTg ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam;

Căn cứ Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ;

Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;

Căn cứ Thông tư số 09/2022/TT-BGDĐT ngày 6/6/2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định Danh mục thống kê ngành đào tạo của giáo dục đại học,

1. Tóm tắt quá trình xây dựng đề án mở ngành đào tạo

Trên cơ sở Chiến lược phát triển của Học viện Báo chí và Tuyên truyền về việc mở ngành Quản lý kinh tế trình độ thạc sĩ, Học viện đã tiến hành khảo sát nhu cầu đào tạo, bổ sung đội ngũ cán bộ ngành Quản lý kinh tế; đầu tư cơ sở vật chất, giáo trình, tài liệu phục vụ đào tạo ngành Quản lý kinh tế; tổ chức xây dựng chương trình đào tạo, tổ chức thẩm định chương trình đào tạo và các điều kiện đảm bảo chất lượng; mời họp Hội đồng Khoa học và Đào tạo Học viện để kiểm tra và xác nhận các điều kiện đảm bảo chất lượng thực tế ngành Quản lý kinh tế, từ đó đề thông qua Đề án.

Đến nay, Học viện Báo chí và Tuyên truyền đã đảm bảo đủ điều kiện quy định tại Thông tư 02, cụ thể:

- *Đội ngũ giảng viên*: Học viện Báo chí và Tuyên truyền có đủ đội ngũ cơ hữu đảm bảo trình độ, kinh nghiệm đào tạo và nghiên cứu khoa học để đảm nhận đào tạo trình độ thạc sĩ. Học viện đã có 10 giảng viên trình độ tiến sĩ ngành đúng và ngành gần cùng chịu trách nhiệm chủ trì, tổ chức thực hiện chương trình đào tạo và cam kết đảm bảo chất lượng đào tạo trước cơ sở đào tạo và xã hội.

- *Cơ sở vật chất*: Học viện Báo chí và Tuyên truyền có một hệ thống giảng đường, phòng học gồm 80 phòng từ 40 chỗ tới 800 chỗ, trong đó gần 100% số giảng đường và phòng học được lắp đặt máy chiếu Projector để giảng viên sử dụng vào quá trình giảng dạy. Hệ thống thư viện của Học viện có kết nối mạng Internet, giúp giáo viên và học viên truy cập vào các trang

website của Thư viện Quốc gia Việt Nam, Thư viện Viện Khoa học xã hội Việt Nam, và các thư viện cũng như trang website của các trường đại học tại Việt Nam có đào tạo ngành Quản lý kinh tế.

- *Hợp tác quốc tế*: Học viện Báo chí và Tuyên truyền có quan hệ hợp tác với các Trường Đại học Middlesex (Anh Quốc) Cơ quan hợp tác quốc tế Hàn Quốc - KOICA (Hàn Quốc), Đại học Tổng hợp Viên (Cộng hòa Áo), Viện thông tin, văn hóa và du lịch Lào (CHDCND Lào), Đại học Thammasat (Thái Lan) trong các lĩnh vực trao đổi giảng viên, sinh viên, nghiên cứu khoa học và công nhận chương trình đào tạo lẫn nhau.

- Ngành Quản lý kinh tế trình độ thạc sĩ đã có tên trong Danh mục thống kê các ngành đào tạo trình độ thạc sĩ (mã ngành 8310110) trong Thông tư số Thông tư số 09/2022/TT-BGDĐT ngày 06 tháng 6 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về Quy định danh mục thống kê ngành đào tạo của giáo dục đại học.

- Chương trình tham khảo chương trình đào tạo thạc sĩ Quản lý kinh tế của một số trường đại học trong nước (Đại học Kinh tế Quốc dân, Đại học Thương Mại, Đại học Kinh tế (Đại học Quốc gia Hà Nội), Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh, Đại học Lâm nghiệp...). Ngoài ra, Học viện tham khảo nhiều chương trình khung đào tạo thạc sĩ ngành đúng, ngành gần tại của các trường đại học nổi tiếng trên thế giới như trên thế giới như: Bên cạnh đó, để tiệm cận với các chương trình đào tạo tiên tiến trên thế giới. Học viện có tham khảo chương trình đào tạo thạc sĩ Quản lý kinh tế của Đại học Essex, Vương Quốc Anh, đại học Melbourne của Úc, đại học Hanouver của Đức, Đại học Lucerne của Thụy sĩ, Đại học Saint của Malaysia, Đại học Humboldt-Universität zu Berlin.

- Trường không vi phạm các quy định hiện hành về điều kiện mở ngành đào tạo, tuyển sinh, tổ chức và quản lý đào tạo ở các ngành đang đào tạo và các quy định liên quan đến giáo dục đại học trong thời hạn 3 năm, tính đến ngày đề nghị mở ngành.

Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Quản lý kinh tế do Khoa Kinh tế chính trị, Học viện Báo chí và Tuyên truyền xây dựng theo các mốc thời gian quan trọng dưới đây:

TT	Nội dung công việc	Thời gian
1	Thành lập Ban chỉ đạo; Tổ xây dựng đề án mở ngành Quản lý kinh tế trình độ thạc sĩ	12/2023
2	Xây dựng khung chương trình	12/2023
3	Xây dựng và hoàn thiện đề cương chi tiết học phần	03/2024
4	Hoàn thiện Đề án mở ngành Quản lý kinh tế trình độ thạc sĩ	8/2024

2. Kết luận và kiến nghị

Thông qua đề án mở ngành đã được xây dựng và tổng hợp kết quả khảo sát nhu cầu tuyển dụng, đồng thời xin ý kiến của các chuyên gia, giảng viên, nhà khoa học, nhà quản lý, nhà tuyển dụng về khả năng và thực tế nhu cầu nguồn nhân lực trong giai đoạn hiện nay trong lĩnh vực Quản lý kinh tế của Học viện Báo chí và Tuyên truyền thực hiện năm 2024; Căn cứ vào sứ mệnh và chiến lược của Học viện Báo chí và Tuyên truyền thuộc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Học viện xác định rằng: Mở ngành đào tạo Quản lý kinh tế, trình độ đào tạo thạc sĩ, hệ chính quy không tập trung là phù hợp với xu thế dân chủ hóa đời sống chính trị của đất nước và quá trình phát triển kinh tế, xã hội của nước ta hiện nay; đáp ứng được nhu cầu thực tiễn về nguồn nhân lực trong lĩnh vực Quản lý kinh tế và hoàn toàn phù hợp với sứ mạng đào tạo, nghiên cứu khoa học của Học viện. Việc thực hiện đào tạo ngành Quản lý kinh tế tại Học viện Báo chí và Tuyên truyền không chỉ mở ra một ngành khoa học mới mà còn đáp ứng kịp thời nguồn nhân lực Quản lý kinh tế cho xã hội.

Toàn bộ nội dung của hồ sơ đăng ký mở ngành Quản lý kinh tế bao gồm chương trình đào tạo, đề cương học phần, các quy định của cơ sở đào tạo liên quan đến hoạt động tổ chức đào tạo và nghiên cứu khoa học đã được

đưa lên trang web của Học viện Báo chí và Tuyên truyền theo địa chỉ: <http://www.ajc.hcma.vn> và <http://www.daotaoajc.edu.vn>.

Căn cứ vào năng lực quản lý, trình độ đội ngũ cán bộ và cơ sở vật chất hiện có, Học viện Báo chí và Tuyên truyền thuộc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh có đội ngũ cán bộ, giảng viên, nhà khoa học của Học viện có trình độ chuyên môn nghiệp vụ cao, đang đảm nhận các vị trí công tác phục vụ giảng dạy ở các trình độ đào tạo đại học, thạc sĩ, tiến sĩ trong cả nước. Học viện có đầy đủ cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ công tác đào tạo ngành Quản lý kinh tế bao gồm các phòng Lab, phòng Studio, phòng thực hành. Bên cạnh đó, Học viện có một hệ thống tài liệu, sách chuyên khảo và các giáo trình hỗ trợ công tác đào tạo một cách đầy đủ, phục vụ tốt công tác chuyên môn. Học viện khẳng định và cam kết đảm bảo chất lượng đào tạo, thực hiện đào tạo theo đúng quy định của nhà nước.

Căn cứ vào thông tư Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo: Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ, Học viện Báo chí và Tuyên truyền thấy rằng đã đủ điều kiện để mở ngành đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Quản lý kinh tế.

Học viện Báo chí và Tuyên truyền kính trình Bộ Giáo dục và Đào tạo Đề án đăng ký mở ngành đào tạo. Đề nghị Quý Bộ xem xét cho phép Học viện được mở ngành đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Quản lý kinh tế, mã số 8310110 và tuyển sinh đào tạo bắt đầu từ năm 2025.

Trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ban Giám đốc;
- Hội đồng trường;
- Lưu: VT, ĐT,



GIÁM ĐỐC

Phạm Minh Sơn

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH
HỌC VIỆN BÁO CHÍ VÀ TUYÊN TRUYỀN

HỒ SƠ

ĐĂNG KÝ MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO
TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ QUẢN LÝ KINH TẾ

MÃ SỐ: 8310110

Hà Nội, 2024

*

ĐỀ ÁN MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ

Tên ngành đào tạo: Quản lý kinh tế

Mã số: 8310110

Tên cơ sở đào tạo: Học viện Báo chí và Tuyên truyền

Trình độ đào tạo: Thạc sĩ

PHẦN 1

**SỰ CẦN THIẾT PHẢI XÂY DỰNG ĐỀ ÁN
THẠC SĨ QUẢN LÝ KINH TẾ**

1.1. Giới thiệu về cơ sở đào tạo

Học viện Báo chí và Tuyên truyền thuộc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, tiền thân là Trường Tuyên giáo Trung ương được thành lập ngày 16/01/1962 theo Quyết định số 36-NQ/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng, trên cơ sở hợp nhất 3 trường: Trường Nguyễn Ái Quốc phân hiệu II, Trường Tuyên huấn và Trường Đại học Nhân dân. Năm 1983 hợp nhất Trường Tuyên huấn Trung ương I và Trường Nguyễn Ái Quốc V thành Trường Tuyên giáo Trung ương I. Ngày 20/11/1990 Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng (nay là Thủ tướng Chính phủ) ra Quyết định số 406-HĐBT về việc công nhận Trường Tuyên giáo Trung ương I là Trường Đại học Tuyên giáo. Từ đây, ngoài vai trò là một trường Đảng đào tạo cán bộ cho hệ thống chính trị, Học viện còn là một trường đại học duy nhất nằm trong hệ thống trường Đảng và nằm trong hệ thống giáo dục quốc dân, do Bộ Giáo dục và Đào tạo quản lý về quy chế đào tạo, các mặt khác trực thuộc Ban Bí thư Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam.

Ngày 10/03/1993, theo Quyết định số 6-QĐ/TW về việc sắp xếp lại các trường Đảng trung ương, Trường Đại học Tuyên giáo chuyển thành Phân viện Báo chí và Tuyên truyền thuộc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh. Ngày 02/8/2005, Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng ban hành Quyết định số 149-QĐ/TW về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ

máy của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, đổi tên Phân viện Báo chí và Tuyên truyền thành Học viện Báo chí và Tuyên truyền.

Cơ cấu tổ chức của HVBC&TT bao gồm: Đảng ủy – Hội đồng Học viện - Ban Giám đốc - Hội đồng Khoa học và Đào tạo, các Khoa, và các đơn vị chức năng - Bộ môn. Học viện hiện nay có 29 đơn vị trực thuộc gồm: 15 Khoa đào tạo (Khoa Triết học, Khoa Kinh tế chính trị, Khoa Chủ nghĩa xã hội khoa học, Khoa Lịch sử Đảng, Khoa Xây dựng Đảng, Khoa Tư tưởng Hồ Chí Minh, Khoa Tuyên truyền, Khoa Kinh tế chính trị, Khoa Nhà nước và Pháp luật, Khoa Quan hệ quốc tế, Khoa Quan hệ công chúng và Quảng cáo, Khoa Xã hội học và Phát triển, Khoa Xuất bản, Khoa Ngoại ngữ, Khoa Giáo dục đại cương và Nghiệp vụ sư phạm); 01 Viện (Viện Báo chí - Truyền thông), 06 Ban (Ban Quản lý đào tạo, Ban Quản lý Khoa học, Ban Tổ chức – cán bộ, Ban Hợp tác Quốc tế, Ban Thanh tra, và Ban Kế hoạch – Tài chính); 01 văn phòng (Văn phòng Học viện); 02 phòng (Phòng Quản trị và Quản lý KTX, Phòng Công tác chính trị và Hỗ trợ sinh viên), 03 trung tâm (Trung tâm Khảo thí và Đảm bảo chất lượng đào tạo, Trung tâm Thông tin khoa học, Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học), 1 Tạp chí (Tạp chí Lý luận Chính trị & Truyền thông).

Đội ngũ giảng viên, viên chức của Học viện bảo đảm về số lượng và phát triển về chất lượng. Học viện hiện có trên 367 cán bộ, nhân viên và giảng viên được đào tạo chính quy, bài bản và đúng chuyên môn (tính đến 12/2023). Chất lượng đội ngũ cán bộ, giảng viên ngày càng được nâng lên, cụ thể: 20 phó giáo sư; 104 tiến sĩ và 195 thạc sĩ (trong đó có 35 nghiên cứu sinh).

Về ngành nghề và quy mô đào tạo, hiện nay, Học viện bao gồm 15 Khoa/Viện đào tạo 20 ngành trình độ đại học, 12 ngành trình độ thạc sĩ và 7 ngành trình độ tiến sĩ. Tính đến tháng 12/2023, quy mô đào tạo của Học viện là 10.181 sinh viên, học viên, trong đó có 8.991 sinh viên (chính quy, văn bằng 2, hệ vừa làm vừa học), 995 học viên cao học và 195 NCS.

Là một trung tâm đào tạo cán bộ tư tưởng - văn hoá của đất nước, có bề dày hơn 60 năm, trong đó có hơn 30 năm đào tạo trình độ đại học và hơn 25 năm đào tạo sau đại học, Học viện Báo chí và Tuyên truyền ngày càng khẳng định vị thế của mình trong hệ thống đào tạo, bồi dưỡng cán bộ của Đảng và trong hệ thống giáo dục quốc dân cả về đào tạo đại học và sau đại

học. Đội ngũ cán bộ có trình độ sau đại học chiếm hơn 70% tổng số cán bộ, giảng viên của Học viện. Với bề dày hơn 60 năm kinh nghiệm đào tạo. Trong quá trình hình thành và phát triển, Học viện đã có được nhiều thành tích nổi bật, nhận được các danh hiệu thi đua đánh giá:

1. Danh hiệu thi đua		
2019	Tập thể Lao động xuất sắc	Quyết định số 6911-QĐ/HVCTQG ngày 30/12/2019 của Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh
2020	Tập thể Lao động xuất sắc	Quyết định số 44-QĐ/HVCTQG ngày 07/01/2021 của Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh
2020	Cờ thi đua cấp Bộ	Quyết định số 44-QĐ/HVCTQG ngày 07/01/2021 của Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh
2021	Tập thể Lao động xuất sắc	Quyết định số 7121-QĐ/HVCTQG ngày 11/01/2022 của Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh
2021	Cờ thi đua Chính phủ	Quyết định số 579/QĐ-TTg ngày 16/4/2021
2022	Tập thể Lao động xuất sắc	Quyết định số 14339-QĐ/HVCTQG ngày 05/01/2023 của Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh
2023	Tập thể Lao động xuất sắc	Quyết định số 21670-QĐ/HVCTQG ngày 08/01/2023 của Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh
2. Hình thức khen thưởng		
Năm	Danh hiệu khen thưởng	Số, ngày, tháng, năm của QĐ công nhận hình thức khen thưởng, cơ quan ban hành QĐ
2020	Bằng khen	Quyết định số 2221-QĐ/HVCTQG ngày 23/6/2020 đã có thành tích hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ 02 năm liên tục (2018-2019) của Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

2021	Bằng khen	Quyết định số 6859-QĐ/HVCTQG ngày 30/12/2021 đã có thành tích xuất sắc trong triển khai thực hiện Nghị quyết số 35-NQ/TW của Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh
2021	Bằng khen	Quyết định số 984-QĐ/BTGTW ngày 17/12/2021 đã có thành tích xuất sắc trong công tác báo chí năm 2021 của Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh
2021	Huân chương Độc lập hạng Ba	Quyết định số 1939/QĐ/-QLKT ngày 10/11/2021
2022	Bằng khen	Quyết định số 12133-QĐ/HVCTQG ngày 18/10/2022 của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh
2022	Huân chương Độc lập (Itxala) Hạng Ba	Quyết định số 193-QĐ/ ngày 21/10/2022 của Nước Cộng hòa Dân chủ nhân dân Lào
2023	Bằng khen	Quyết định số 17292-QĐ/HVCTQG ngày 29/6/2023 đã có thành tích hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ 02 năm liên tục (2021-2022) của Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh
2023	Bằng khen	Quyết định số 20982-QĐ/HVCTQG ngày 08/12/2023 của Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh
2023	Bằng khen	Quyết định số 20044-QĐ/HVCTQG ngày 20/10/2023 của Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

Học viện Báo chí và Tuyên truyền là cơ sở trọng điểm quốc gia đào tạo, bồi dưỡng cán bộ trong quy hoạch làm giảng viên lý luận Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, cán bộ phóng viên báo chí, biên tập viên xuất bản, cán bộ làm công tác tư tưởng, văn hoá và các khoa học xã hội và nhân văn khác; là cơ sở nghiên cứu khoa học phục vụ mục tiêu nâng cao chất lượng đào tạo, bồi

dưỡng cán bộ và phục vụ việc hoạch định đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước về lĩnh vực tư tưởng, báo chí và truyền thông.

Trong hơn 60 năm qua, kể từ ngày thành lập, Học viện Báo chí và Tuyên truyền đã đào tạo, bồi dưỡng được hơn 60.000 học viên, sinh viên. Nhiều sinh viên, học viên các thế hệ được đào tạo tại Học viện đã trưởng thành và đang nắm giữ các vị trí quan trọng trong bộ máy của Đảng, Nhà nước và các tổ chức chính trị - xã hội.

1.2. Đánh giá nhu cầu nguồn nhân lực trình độ thạc sĩ ngành Quản lý kinh tế

Trong những năm trở lại đây, vấn đề nâng cao chất lượng nguồn nhân lực được Đảng và Nhà nước hết sức quan tâm. Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII đã xác định vấn đề nâng cao chất lượng nguồn nhân lực là một trong ba khâu đột phá nhằm thúc đẩy sự nghiệp công nghiệp hóa - hiện đại hóa đất nước. Muốn vậy, nguồn nhân lực cho phát triển cần phải được đào tạo ở trình độ cao (thạc sĩ và tiến sĩ). Trong bối cảnh phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, mọi cá nhân, đặc biệt là đội ngũ cán bộ, chuyên viên và nhân viên quản lý ở các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp mong muốn được nâng cao trình độ kiến thức, kỹ năng và năng lực tự chủ trong quản lý kinh tế. Trước thực trạng đó, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh đều cho rằng, Học Viện Báo chí và Tuyên truyền cần tập trung vào nguồn nhân lực nắm vững các kiến thức cơ sở ngành Quản lý kinh tế và có khả năng năng quản lý hoạt động đối ngoại trên các lĩnh vực: kinh tế, chính trị, văn hóa... Đây cũng chính là nhu cầu chung của ngành Quản lý kinh tế đang nổi lên và phát triển mạnh mẽ trên thế giới.

Chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Quản lý kinh tế của Học viện Báo chí và Tuyên truyền được xây dựng nhằm mục tiêu phát triển các ngành đào tạo trong hệ thống các ngành đào tạo hiện có của Học viện phù hợp với xu hướng phát triển đào tạo đa ngành, đáp ứng nhu cầu xã hội. Đồng thời, đây cũng là một trong những nhiệm vụ mang tính chất chiến lược góp phần xây dựng, phát triển Học viện thành trường đại học trọng điểm quốc gia để đáp ứng nhu cầu xã hội về việc sử dụng cán bộ có trình độ thạc sĩ quản lý kinh tế.

Khoa Kinh tế chính trị, Học viện Báo chí và Tuyên truyền đã được Bộ Giáo dục và đào tạo cho phép đào tạo trình độ của nhân ngành Quản lý kinh

tế từ năm 2005. Được thành lập từ năm 1962, Khoa đã và đang đào tạo được 40 khóa sinh viên (từ K1 đến K40). Trong số các sinh viên đã và tốt nghiệp các chuyên ngành đào tạo tại Khoa, có khoảng 50% tổng số sinh viên hiện đang công tác tại các cơ quan của nhà nước; tại Ban Kinh tế của các cơ quan báo chí truyền thông; hơn 40% sinh viên tốt nghiệp khoa Kinh tế chính trị đang công tác tại các doanh nghiệp, Học viện Báo chí và Tuyên truyền hiện đang công tác trong các lĩnh vực khác. Kết quả thăm dò ý kiến của các học viên sau khi tốt nghiệp thì ít nhất 40% có nhu cầu học tiếp lên trình độ thạc sĩ (trong đó khoảng 60% có nhu cầu học ngay sau khi tốt nghiệp hệ cử nhân, 30% có nhu cầu học thạc sĩ sau 2-3 năm). Nhiều sinh viên các chuyên ngành gần cũng có nguyện vọng học thạc sĩ Quản lý kinh tế.

Mở ngành đào tạo thạc sĩ Quản lý kinh tế nhằm đáp ứng nhu cầu thực tiễn về nguồn nhân lực phục vụ quản lý kinh tế ở các cấp quản lý từ trung ương đến cơ sở, nhân lực quản lý tại các doanh nghiệp, các tổ chức kinh tế.

Để cung cấp cơ sở thực tiễn cho mở ngành đào tạo Thạc sĩ Quản lý kinh tế, chúng tôi đã tiến hành khảo sát bằng bảng hỏi, phỏng vấn sâu và tọa đàm khoa học.

* Khảo sát về nhu cầu đào tạo thạc sĩ Quản lý kinh tế cho cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp.

Để khảo sát về nhu cầu đào tạo thạc sĩ Quản lý kinh tế, chúng tôi sử dụng phương pháp khảo sát bằng phiếu. Khảo sát 300 phiếu hỏi trong cả nước (tại các tỉnh miền Bắc, miền Trung, miền Nam, tập trung khảo sát chính ở 3 thành phố lớn: Hà Nội, Đà Nẵng và Thành phố Hồ Chí Minh). Đồng thời, phối hợp với phỏng vấn sâu các nhà tuyển dụng để lấy ý kiến nhận xét về nhu cầu nhân lực, chương trình đào tạo với các nhà tuyển dụng. Những thông tin thu nhận được là một căn cứ thực tiễn quan trọng để minh chứng cho tính cần thiết của mở ngành thạc sĩ Quản lý kinh tế. Đồng thời cũng có ý nghĩa lớn trong việc xây dựng khung chương trình và các nội dung khác của đề án.

Kết quả điều tra xã hội học bằng bảng hỏi:

- Số phiếu phát ra: 300 phiếu
- Số phiếu thu về: 300 phiếu

- Số phiếu hợp lệ: 296 phiếu
- Số phiếu không hợp lệ: 04 phiếu

Thông tin về trình độ học vấn của người trả lời phỏng vấn thu nhận được như sau:

TT	Trình độ	Số lượng	Tỷ lệ phần trăm
1	Đại học	207	69,9
2	Thạc sĩ trở lên	48	16,2
3	Khác	41	13,8
	Tổng cộng	296	100

Phân loại mẫu nghiên cứu theo loại hình cơ quan công tác của người trả lời

TT	Loại hình	Số lượng	Tỷ lệ %
1	<i>Nhà nước (bao gồm cả tổ chức Đảng, đoàn thể)</i>	<i>138</i>	<i>46,6%</i>
	Cấp TW	42	14,18%
	Cấp địa phương	96	32,43%
2	<i>Cơ quan sự nghiệp</i>	<i>85</i>	<i>28,7%</i>
	Giáo dục	25	8,44%
	Y tế	22	7,32%
	Thông tin báo chí	25	8,44%
	Nghiên cứu ứng dụng	8	2,70%
3	<i>Doanh nghiệp</i>	<i>67</i>	<i>24,6%</i>
	Tập đoàn	8	2,70%
	Tổng công ty	8	2,70%
	DN vừa và nhỏ	30	10,13%
	Liên doanh	9	3,04%
	Tự kinh doanh	12	4,05%
	DN 100% vốn nước ngoài	1	0,33%
4	<i>Tổ chức phi chính phủ</i>	<i>6</i>	<i>2,02%</i>
5	<i>Loại hình khác (ghi rõ):</i>	<i>0</i>	<i>0%</i>
	Tổng cộng	296	100

Với câu hỏi về “Mức độ cần thiết đào tạo trình độ thạc sĩ quản lý kinh tế cho cán bộ quản lý tại cơ quan/tổ chức, doanh nghiệp”. Chúng tôi thu về kết quả cho thấy rõ nhu cầu học tập nâng cao trình độ lĩnh vực Quản

lý kinh tế trong xã hội là rất lớn. Kết quả khảo sát đã minh chứng rõ cho sự cần thiết đào tạo trình độ thạc sĩ quản lý kinh tế cho các cán bộ quản lý tại cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, có 257 phiếu trả lời (86,82%) lựa chọn “rất cần thiết”. Thông tin này phần nào chứng minh cho thực tế cán bộ quản lý hiện tại còn thiếu kiến thức, kỹ năng liên quan đến quản lý kinh tế trong thực thi vận hành quản lý tổ chức, doanh nghiệp.

TT	Sự cần thiết	Số lượng	Tỷ lệ %
1	Rất cần thiết	257	86,82
2	Cần thiết	28	9,45
3	Bình thường	11	3,71%
4	Không cần thiết	0	0
5	Rất không cần thiết	0	0
	Tổng cộng	296	100

Với câu hỏi về “*Nhu cầu đào tạo nhân lực có trình độ thạc sĩ chuyên ngành quản lý kinh tế cho vị trí công tác*”, chúng tôi cũng tìm được câu trả lời về nhu cầu trình độ Thạc sĩ Quản lý kinh tế theo vị trí công tác trong đơn vị, cơ quan, doanh nghiệp. Nhu cầu cán bộ có trình độ đào tạo thạc sĩ cho vị trí quản lý cấp bộ phận có 157 ý kiến (53,04%), quản lý cấp đơn vị có 109 phiếu (36,82%), cán bộ thực thi là 21 phiếu (7,07%). Điều đó cho thấy, nhu cầu của xã hội với trình độ thạc sĩ ở cán bộ cấp quản lý bộ phận cao hơn cấp quản lý đơn vị và các cấp thấp hơn. Con số cũng chứng minh một logic nội tại rõ ràng là vị trí quản lý càng cao, nhu cầu về trình độ đào tạo thạc sĩ quản lý kinh tế càng cao.

TT	Vị trí	Số lượng	Tỷ lệ %
1	Quản lý cấp bộ phận	157	53,04
2	Quản lý cấp đơn vị	109	36,82
3	Cán bộ thực thi	21	7,07
4	Tập sự	6	2,02
5	Khác (ghi rõ): nhân viên thời vụ	3	1,01
	Tổng cộng	296	100

*Về phương pháp phỏng vấn sâu.

Chúng tôi gửi chủ đề “Nhu cầu đào tạo trình độ thạc sĩ Quản lý kinh tế” và tiến hành phỏng vấn sâu đồng thời lấy ý kiến đánh giá của 16 nhà lãnh

đạo, nhà quản lý trong hệ thống quản lý các cấp từ trung ương đến địa phương, nhà quản trị doanh nghiệp và các nhà nghiên cứu. Thông tin thu được giúp chúng tôi củng cố thêm căn cứ thực tiễn cho nhu cầu mở ngành quản lý kinh tế. Các ý kiến cung cấp luận chứng cho chúng tôi trên một số khía cạnh sau:

Một là, việc đào tạo nâng cao trình độ cán bộ là vô cùng cần thiết, đặc biệt là năng lực về quản lý kinh tế. Một bộ phận đa số cán bộ hiện tại ở các cơ quan, doanh nghiệp được trưởng thành từ hoạt động chuyên môn, năng lực chuyên môn rất xuất sắc, tuy nhiên năng lực quản lý thì chủ yếu phát triển nhờ mày mò tự nghiên cứu và trải nghiệm thực tiễn, những bài học kinh nghiệm rút ra.

Hai là, làm quản lý dựa trên kiến thức chuyên môn và kinh nghiệm là chưa đủ để quản lý vận hành cơ quan, doanh nghiệp. Các ý kiến chỉ ra mối quan hệ nhân quả sâu sắc giữa việc thiếu năng lực, thiếu tư duy khoa học trong quản lý với những sai phạm trong quá trình quản lý tại các cơ quan, doanh nghiệp, cũng như tính hoạt động quản lý rối và hiệu quả quản lý chưa cao tại các đơn vị, cơ quan và doanh nghiệp trong thực tiễn hiện nay.

Ba là, nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa của Việt Nam đã trải qua gần 40 năm xây dựng, phát triển và đạt đến một trình độ mới. Ở trình độ này, cán bộ quản lý từ trung ương đến cơ sở, từ khu vực công đến khu vực tư cần được đào tạo bài bản về quản lý kinh tế, để cùng với năng lực chuyên môn, tư duy, kiến thức, kỹ năng về quản lý kinh tế các nhà quản lý sẽ quản lý vận hành hiệu quả cơ quan, đơn vị, tổ chức của mình.

Chính vì vậy, việc xây dựng đề án đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Quản lý kinh tế là nhằm đáp ứng nhu cầu trong phát triển nguồn nhân lực trình độ cao của đất nước.

1.3. Đơn vị chuyên môn trực tiếp đảm nhận nhiệm vụ đào tạo: Khoa Kinh tế chính trị

Trong 64 năm qua, Hiện nay, khoa Kinh tế chính trị đang thực hiện nhiệm vụ đào tạo 2 bậc. Bậc đại học với 2 ngành là ngành Kinh tế chính trị; ngành Kinh tế, chuyên ngành Quản lý kinh tế và ngành Kinh tế, chuyên ngành Kinh tế và Quản lý.

Giai đoạn từ năm 1962 đến 1976, khoa thực hiện nhiệm vụ giảng dạy chương trình Kinh tế chính trị và chương trình Quản lý kinh tế cho đội ngũ làm công tác tư tưởng, văn hóa hệ ngắn hạn và bồi dưỡng.

Từ năm 1976 Khoa Kinh tế chính trị chính thức được Bộ Giáo Dục và đào tạo giao nhiệm vụ đào tạo cử nhân ngành Kinh tế chính trị theo quyết định số 3440/QĐ-BGD&ĐT với mã ngành 7310102.

Ngày 27/06/2005, Khoa Kinh tế chính trị bắt đầu đào tạo cử nhân ngành Kinh tế, chuyên ngành Quản lý kinh tế theo quyết định 3440/QĐ-BGD&ĐT, mã ngành 7310101.

Cùng với sự chuyển mình của nền giáo dục quốc gia, năm 2017, Khoa tuyển sinh khóa đầu tiên chương trình cử nhân chất lượng cao chuyên ngành Kinh tế và Quản lý, đặt mục tiêu nâng cao chất lượng đào tạo lên hàng đầu nhằm đáp ứng tốt nhu cầu của xã hội về nguồn nhân lực chất lượng cao.

Từ năm 2018, Khoa được nhận nhiệm vụ đào tạo cử nhân hệ chuẩn ngành Kinh tế, chuyên ngành Kinh tế và Quản lý, tạo điều kiện cho nhiều sinh viên được tiếp cận với chương trình và phương pháp giảng dạy tích cực, hiện đại. Đến nay Khoa đang đào tạo hệ cử nhân với 2 ngành: ngành Kinh tế chính trị và ngành Kinh tế với Quản lý kinh tế. Trải qua 62 năm, Khoa Kinh tế chính trị đã và đang đào tạo 43 khóa cử nhân với hơn 5900 sinh viên (trong đó có hơn 200 sinh viên Lào).

Năm 2009, Khoa Kinh tế chính trị bắt đầu đào tạo trình độ thạc sĩ, ngành Kinh tế chính trị theo quyết định 8752/QĐ-BGDĐT, ngày 29/12/2008, mã ngành 8310102. Đến nay Khoa Kinh tế chính trị đã đào tạo được 14 khóa cao học với tổng số gần 400 học viên.

***Chức năng nhiệm vụ của khoa**

Khoa Kinh tế chính trị có những chức năng tham mưu, giúp Giám đốc Học viện Báo chí và Tuyên truyền quản lý, triển khai và đánh giá chương trình đào tạo đại học và sau đại học thuộc các chuyên ngành kinh tế, các khóa học bồi dưỡng và các hoạt động giáo dục lý luận chính trị; tổ chức thực hiện và phối hợp với các đơn vị trong và ngoài Học viện thực hiện các nghiên cứu khoa học công nghệ và các hoạt động hợp tác quốc tế liên quan

đến chuyên môn đảm nhiệm; quản lý nội bộ toàn bộ hoạt động của Khoa; phối hợp với các đơn vị tổ chức, cá nhân trong và ngoài Học viện Báo chí và Tuyên truyền để thực hiện các chức năng của khoa và Học viện theo sự phân công của Giám đốc Học viện.

Khoa có những nhiệm vụ cơ bản sau:

Một là, lập kế hoạch và tổ chức thực hiện các hoạt động giáo dục đào tạo theo kế hoạch chung của Học viện

a) Xây dựng chương trình đào tạo, bồi dưỡng của ngành, chuyên ngành được Học viện giao nhiệm vụ, trình Hội đồng Khoa học - Đào tạo của Học viện và Giám đốc Học viện phê duyệt;

b) Phối hợp với Ban Quản lý đào tạo xây dựng tiến độ giảng dạy của khoa; phân công, theo dõi thực hiện kế hoạch giảng dạy của giảng viên theo tiến độ;

c) Tổ chức thực hiện, quản lý quá trình đào tạo và các hoạt động giáo dục khác theo sự phân cấp;

d) Tổ chức biên soạn chương trình khung, đề cương chi tiết các môn học liên quan bảo đảm tính thống nhất, tránh chồng chéo giữa các môn học của chương trình đào tạo hoặc giữa các trình độ đào tạo;

e) Xây dựng đề thi và đáp án; phối hợp với các đơn vị xây dựng và thực hiện phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện của sinh viên và học viên, bảo đảm chuẩn đầu ra của người học theo cam kết đã được công bố, đáp ứng nhu cầu sử dụng của thị trường lao động;

f) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị chức năng tổ chức phát triển chương trình đào tạo, xây dựng các đề án, biên soạn giáo trình, tài liệu tham khảo theo định hướng phát triển của Học viện;

g) Tổ chức nghiên cứu cải tiến phương pháp giảng dạy, học tập;

h) Tổ chức quản lý và chịu trách nhiệm cao nhất về chuyên môn với quá trình dạy và học đối với các chương trình, môn học do khoa thực hiện.

i) Phối hợp với các đơn vị chức năng tổ chức thực hiện thi kết thúc học phần và thi tốt nghiệp (hoặc làm khóa luận tốt nghiệp) thuộc khoa quản

lý theo kế hoạch chung của Học viện. Tổ chức chấm thi, quản lý và lưu trữ bài thi, kết quả học tập của sinh viên, học viên theo quy định;

j) Tổ chức hướng dẫn sinh viên kiến tập, thực tập nghề nghiệp, đi thực tế;

k) Phối hợp với Trung tâm Khảo thí và Đảm bảo chất lượng đào tạo và các đơn vị chức năng tổ chức đánh giá chương trình đào tạo, hoạt động giảng dạy của giảng viên; thực hiện quy trình đảm bảo chất lượng đào tạo theo hướng dẫn;

Hai là, lập kế hoạch và tổ chức thực hiện các hoạt động khoa học và hợp tác quốc tế

a) Tổ chức sinh hoạt chuyên môn và các hội thảo khoa học chuyên ngành;

b) Đăng ký và triển khai nghiên cứu đề tài khoa học các cấp được giao hàng năm, hướng dẫn sinh viên nghiên cứu khoa học, tạo điều kiện tốt nhất để phát triển những tài năng đặc biệt về kinh tế chính trị;

c) Chủ động tìm kiếm, khai thác các dự án, đề tài nghiên cứu khoa học với nguồn ngân sách thực hiện từ cả trong và ngoài hệ thống Học viện.

d) Chủ động khai thác, triển khai thực hiện các Đề án hợp tác quốc tế theo quy định về quản lý hoạt động hợp tác quốc tế của Học viện.

Ba là, xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống cho người học; phối hợp với các đơn vị liên quan quản lý, đánh giá, xếp loại sinh viên và thực hiện chế độ, chính sách cho sinh viên, học viên

a) Lập sổ trích ngang sinh viên, học viên các lớp, các hệ đào tạo để quản lý trong khoa, quản lý và sử dụng tài sản được giao theo quy định của pháp luật và của Học viện;

b) Tổng hợp và đề nghị thực hiện các chế độ, chính sách cho sinh viên, học viên thuộc khoa quản lý;

c) Phối hợp với các đơn vị theo dõi và đề nghị khen thưởng, kỷ luật đối với sinh viên, học viên thuộc khoa quản lý;

d) Tổ chức các hoạt động ngoại khóa cấp khoa.

Bốn là, quản lý và phát triển đội ngũ cán bộ, giảng viên

Thực hiện các chế độ chính sách, đào tạo, bồi dưỡng, thi đua, khen thưởng và kỷ luật đối với viên chức, người lao động của Khoa theo thẩm quyền được phân cấp; xây dựng kế hoạch phát triển đội ngũ giảng viên, cán bộ, nhân viên thuộc khoa nhằm không ngừng phát triển ngành đào tạo theo phân cấp của Giám đốc; Xây dựng và thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống cho đội ngũ cán bộ, giảng viên nhằm thực hiện xuất sắc nhiệm vụ của Khoa và chính sách phát triển nguồn nhân lực của toàn Học viện.

Năm là, thực hiện các nhiệm vụ khác do Giám đốc Học viện giao trong năng lực và nguồn lực tốt nhất có thể của Khoa

Sáu là, xây dựng đội ngũ mạng lưới giảng viên thỉnh giảng uy tín và danh sách các diễn giả khách mời là những người có kinh nghiệm thực tiễn và chuyên môn sâu liên quan đến lĩnh vực đào tạo ở trong và ngoài nước. Theo đó, Khoa cần giới thiệu và đưa các giảng viên đầu ngành tham gia đào tạo, mời các chuyên gia làm diễn giả, khách mời chia sẻ kinh nghiệm thực tiễn trong quá trình tổ chức đào tạo.

Bảy là, Khoa được quyền tổ chức Hội đồng khoa và các Tổ bộ môn để tư vấn cho Trường khoa thực hiện các nhiệm vụ của Khoa do Giám đốc Học viện giao, giúp Trường khoa ra quyết định hoặc trình Giám đốc Học viện ra quyết định theo quy định của Học viện.

*** Chiến lược phát triển**

Đến năm 2035, Khoa KTCT trở thành một trong những Khoa dẫn đầu của Học viện trong các hoạt động giảng dạy, NCKH, HTQT và phong trào SV; Khoa có trình độ giảng dạy và ứng dụng các NCKH ngang tầm với các khoa, đơn vị của các Học viện, các trường đại học Đại học ngành kinh tế hàng đầu trong nước và trong khu vực Đông Nam Á. Góp phần tích cực vào sự nghiệp đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ cho sự nghiệp phát triển kinh tế xã hội của đất nước và khu vực. Cùng với đó, xây dựng khoa trở thành đơn vị mũi nhọn của Học viện trong tất cả hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ chuyên môn và phục vụ tích cực cho cộng đồng.

Năm 2050, Khoa là trung tâm đào tạo về lĩnh vực kinh tế có uy tín trong khu vực và quốc tế.

*** Cơ cấu tổ chức và đội ngũ giảng viên**

Đội ngũ cán bộ lãnh đạo quản lý khoa: Theo quy định chung, Khoa Kinh tế chính trị có Trưởng khoa do Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, cách chức và các Phó Trưởng khoa do Giám đốc Học viện Báo chí và Tuyên truyền bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, cách chức theo quy định. Trưởng khoa là người chịu trách nhiệm trước Giám đốc Học viện và trước pháp luật về toàn bộ hoạt động của Khoa. Phó Trưởng khoa là người chịu trách nhiệm trước Trưởng khoa và trước pháp luật về các nhiệm vụ được phân công.

Hiện nay, Khoa Kinh tế chính trị có 01 đồng chí Phó Giám đốc Học viện, Phụ trách Khoa; 02 đồng chí Phó trưởng Khoa.

Để theo dõi quản lý hoạt động chuyên môn, Khoa Kinh tế chính trị thành lập 02 Bộ môn: Bộ môn Kinh tế chính trị và Bộ môn Quản lý kinh tế.

Đội ngũ cán bộ giảng viên của Khoa Kinh tế chính trị được xác định theo quy định về tiêu chuẩn chức danh và vị trí việc làm của cán bộ, viên chức được Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh và Giám đốc Học viện Báo chí và Tuyên truyền giao. Ngoài số biên chế theo quy định, Khoa được thực hiện chế độ cộng tác viên, giảng viên kiêm nhiệm, giảng viên thỉnh giảng và chế độ hợp đồng lao động theo quy định của pháp luật. Tính đến thời điểm tháng 03/2024, lực lượng tham gia giảng dạy và CV ở Khoa KTCT là có 43 người trong đó, đội ngũ cán bộ giảng dạy có 04 Phó Giáo sư, 19 Tiến sĩ, 05 Thạc sĩ.

*** Về công tác đào tạo**

Tính đến tháng 3 năm 2024, Khoa KTCT đã đào tạo được 43 khóa SV đại học chính quy và đã có 39 khóa tốt nghiệp.

Tổng số sinh viên hệ đại học chính quy, các lớp quản lý kinh tế năm 2023 là 123 sinh viên, năm 2022 là 55 sinh viên, so với năm 2022 tăng 68 sinh viên. Ngoài ra, Khoa còn đào tạo Thạc sĩ lớp Cao học ngành Kinh tế chính trị với 03 học viên của khóa 28 là 06 học viên, khóa 29 là 09 học viên.

Ngoài ra, Khoa hiện nay đang đào tạo cử nhân Kinh tế chính trị và ngành kinh tế, chuyên ngành kinh tế và quản lý với tổng số sinh viên năm 2023 là hơn 800 sinh viên.

*** Về nhiệm vụ nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ**

Giai đoạn 2019 -2024, cán bộ giảng viên Khoa KTCT chủ trì và tham gia 02 dự án hợp tác quốc tế: Dự án Theo dõi việc làm của sv sau tốt nghiệp Châu Âu (Motive) và “Tham gia hợp tác giữa tổ chức FES (Đức) về HV BCTT trong việc lồng ghép chủ đề BDKH vào nội dung bài giảng”; 01 đề tài cấp nhà nước KX.04.07/21-25 “Những lý thuyết chính trị hiện đại trên thế giới và phương pháp tiếp cận của Việt Nam” 04 đề tài cấp Bộ, Thành phố, 28 đề tài cấp cơ sở. Kết quả các đề tài và dự án này đã được đưa vào trong các học phần trong chương trình đào tạo của Khoa và các ngành trực thuộc Khoa (15). Chi tiết xem phụ lục 3 - Bảng 10.4.1 Thống kê các kết quả NCKH của Khoa KTCT được áp dụng vào hoạt động dạy và học (trong 5 năm học gần nhất).

Tổng số giờ NCKH của Khoa KTCT trong Học viện, dẫn đầu so với các khoa khác trong Học viện và cũng tương đương số giờ khoa học bình quân của giảng viên chuyên ngành Quản lý kinh tế của trường Đại học Thương mại. Số giờ NCKH của Khoa KTCT qua các năm trong chu kỳ đánh giá cụ thể như sau: 6100, 9950, 10454 và 15313 giờ/năm, tính trung bình số giờ NCKH/GV là 540, 904, 1045 và 1531 ở các năm 2019, 2020, 2021, 2022.

Tổng các công trình khoa học công bố của Học viện gia tăng đáng kể từ năm 2019 đến 2024 (Bảng 10.2). Trong đó, Khoa KTCT đã công bố 140 công trình khoa học trên các tạp chí khoa học và hội thảo trong đó 17 bài báo quốc tế, 123 bài báo trong nước.

Tính từ năm 2019 đến năm 2024, số khóa luận toàn khoa hướng dẫn triển khai là hơn 400 khóa luận. Các đề tài khóa luận được ra soát để không trùng lặp với đề tài khoa học đã nghiên cứu và công bố. Các đề tài nghiên cứu khoa học chủ yếu xuất phát từ các vấn đề thực tiễn và gắn với các nội dung lý luận sinh viên được học trên lớp, điển hình như: đề tài “Vấn đề khởi nghiệp của sinh viên ngành kinh tế, Học viện Báo chí và Tuyên truyền” (2019); “Phát triển kinh tế ban đêm tại thành phố Hà Nội hiện nay” (2020);

Kết quả NCKH cũng được áp dụng vào giảng dạy tại một số HP (Chi tiết xem Phụ lục II.2, Bảng 10.4.1).

Định hướng NCKH của Khoa KTCT: Hoạt động NCKH và tham gia các dự án bảo vệ MT trong cộng đồng là phương thức hiệu quả để nâng cao chất lượng dạy và học, thầy và trò Khoa KTCT luôn tích cực, chủ động trong tìm kiếm các hướng nghiên cứu đáp ứng được nhu cầu thực tế và tiệm cận được xu hướng quốc tế trong lĩnh vực chuyên môn. Một số hướng nghiên cứu mũi nhọn đang thực hiện:

(i) Nghiên cứu, ứng dụng các công nghệ, mô hình dự báo, giám sát kinh tế và quản lý kinh tế;

(ii) Nghiên cứu giải pháp công nghệ, kỹ thuật phù hợp điều kiện Việt Nam trong lĩnh vực quản lý kinh tế;

(iii) Nghiên cứu, đề xuất các công cụ, mô hình quản lý mới và khả thi trong quản lý kinh tế và kinh tế chính trị;

(iv) Nghiên cứu các quan hệ kinh tế trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa;

Nghiên cứu đánh giá các yếu tố tác động đến cân bằng các cán kinh tế vĩ mô trong điều kiện phát triển kinh tế xã hội Việt Nam hiện nay.

Khoa Kinh tế chính trị xây dựng CTĐT cho ngành Quản lý kinh tế (QLKT) trình độ đại học và tổ chức đào tạo bắt đầu từ năm 2005. CTĐT ngành Kinh tế, chuyên ngành QLKT đã được cập nhật, rà soát và điều chỉnh vào các năm 2020, 2022 và 2024 trên cơ sở lấy ý kiến của các bên liên quan như giảng viên, sinh viên, cựu sinh viên, nhà sử dụng lao động và theo quy định của Bộ GD&ĐT, kế hoạch của Học viện. Khoa cũng chú trọng công tác biên soạn giáo trình, bài giảng phục vụ đào tạo. Trong giai đoạn đánh giá, cán bộ giảng viên của Khoa đã biên soạn và xuất bản được 05 cuốn giáo trình phục vụ giảng dạy.

CTĐT ngành Kinh tế, chuyên ngành QLKT có mục tiêu đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao có kiến thức và kỹ năng chuyên môn sâu rộng, có phẩm chất đạo đức tốt và bản lĩnh chính trị vững vàng; có khả năng thực hiện công việc liên quan đến Quản lý Nhà nước các lĩnh vực thuộc khu

vực công và khu vực tư; có khả năng tiếp tục học tập, nghiên cứu văn bằng đại học thứ hai và ở bậc học cao hơn ở bậc cao học và nghiên cứu sinh.

CTĐT ngành Kinh tế, chuyên ngành QLKT được thiết kế đảm bảo người học được cung cấp kiến thức lý luận chính trị, khoa học xã hội và nhân văn phù hợp với mục tiêu đào tạo; được rèn luyện phương pháp tư duy và các kỹ năng nghề nghiệp, kỹ năng mềm thông qua các học phần về kiến thức đại cương, kiến thức cơ sở ngành và chuyên sâu của ngành Kinh tế, chuyên ngành QLKT. Sinh viên tốt nghiệp ngành Kinh tế, chuyên ngành QLKT có đầy đủ kiến thức làm việc trong các cơ quan, ban, ngành của hệ thống chính trị; Trong các tổ chức xã hội, nghề nghiệp; Tổ chức kinh tế, doanh nghiệp; Tổ chức phi chính phủ... liên quan đến quản lý hành chính, quản lý kinh tế, quản lý xã hội, quản lý nhân sự, quản lý dịch vụ..., các Trường đào tạo và viện nghiên cứu các lĩnh vực liên quan.

Công việc nghiên cứu, giảng dạy về Khoa học Quản lý kinh tế tại các Học viện, Trường đại học, Viện nghiên cứu, Trung tâm nghiên cứu... Ngoài ra, có thể thực hiện là công tác tư vấn về chuyên môn, nghiệp vụ và kỹ năng liên quan đến quản lý khu vực công và khu vực tư.

1.4. Lý do đề nghị giao nhiệm vụ đào tạo thạc sĩ chuyên ngành Quản lý kinh tế

Trong các văn kiện tại Đại hội XIII, Đảng ta nhấn mạnh sự quan tâm đặc biệt và thể hiện rõ lập trường, quan điểm nhất quán trong việc cần thiết phải đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục, đào tạo, phát triển nguồn nhân lực. Theo đó, Đảng xác định giáo dục là kế sách, quốc sách hàng đầu, hạt nhân của sự phát triển, mang tính đột phá, khai mở con đường phát triển nguồn nhân lực Việt Nam trong thế kỷ XXI. Tuy nhiên, chất lượng giáo dục còn chưa tương xứng với yêu cầu phát triển của đất nước trong thời kỳ mới. Nhiều năm qua, các trường đại học gánh trên vai trọng trách đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cho quốc gia nhưng vẫn bị xã hội chỉ trích vì không đáp ứng được bước tiến của xã hội hiện đại, bị tụt hậu so với trình độ của các nước có nền giáo dục tiên tiến trong khu vực, trên thế giới.

Sau gần 40 năm Đổi mới, Việt Nam đã đạt được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử trong các lĩnh vực hoạt động của đất nước, lĩnh vực kinh tế có những thành tựu đặc biệt quan trọng. Từ một đất nước trải qua

hàng trăm năm chiến tranh, lạc hậu, nghèo đói bao trùm. Việt Nam đã vươn mình thoát khỏi nước có thu nhập thấp, có vị trí trong bản đồ kinh tế thế giới, tham gia tích cực, chủ động, hiệu quả vào chuỗi giá trị toàn cầu. Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa của Việt Nam đã trở thành một phiên bản quản lý nền kinh tế thị trường hiện đại vận hành theo định hướng xã hội chủ nghĩa đầy ấn tượng. Thu nhập bình quân đầu người không ngừng tăng lên. Đất nước bước nhanh vào quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Nhiều tập đoàn kinh tế lớn của Việt Nam đang vươn ra thế giới.

Tuy nhiên, bối cảnh mới đặt ra nhiều thách thức đối với quá trình quản lý nền kinh tế. Bước chuyển sang nền kinh tế thị trường đã có dấu ấn đặc biệt, mang lại sự chuyển mình mạnh mẽ của nền kinh tế suốt 40 năm qua. Tuy nhiên, sự phát triển của lực lượng sản xuất đòi hỏi sự phân công phối hợp càng cao, càng đòi hỏi trình độ quản lý kinh tế cao hơn. Khủng hoảng sụp đổ đặt ra yêu cầu mới với quản lý vĩ mô và quản lý kinh tế vi mô.

Học viện Báo chí và Tuyên truyền đã có kinh nghiệm nhiều năm đào tạo cử nhân và sau đại học các ngành. Uy tín và chất lượng đào tạo của Học viện đã được khẳng định thông qua quá trình đào tạo đại học và sau đại học nhiều năm qua. Học viện Báo chí và Tuyên truyền có đầy đủ cơ sở vật chất, trang thiết bị bảo đảm đáp ứng cho công tác giáo dục và đào tạo như phòng học, thư viện, nhà ở, phòng máy tính, phòng thực hành, phòng studio, audio...

Trong cơ cấu tổ chức của Học viện có Khoa Kinh tế chính trị với lịch sử hơn 60 năm đào tạo và bồi dưỡng cán bộ. Hầu hết các cán bộ giảng viên cơ hữu và kiêm nhiệm trong Khoa đều tham gia các đề tài nghiên cứu khoa học từ cấp cơ sở đến cấp nhà nước. Đội ngũ cán bộ giảng viên là những cán bộ có năng lực và nhiệt huyết với nghề, có kiến thức nền tảng vững chắc, được đào tạo cơ bản từ Học viện Tài chính, Đại học Kinh tế quốc dân, Đại học Thương mại, Đại học Sư Phạm Hà Nội, Đại học Quốc gia Hà Nội, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh và nhiều cơ sở giáo dục đào tạo uy tín khác ở nước ngoài. Khoa Kinh tế chính trị có thể tiếp nhận đào tạo thạc sĩ ngành Kinh tế chính trị từ 10 đến 15 học viên mỗi khóa. Đồng thời khoa đã có thâm niên hơn 40 năm đào tạo cử nhân kinh tế, chuyên ngành Quản lý kinh tế, chuyên ngành kinh tế và quản lý, mỗi khóa từ giao động từ 60 đến

200 sinh viên. Xây dựng đề án đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Kinh tế, chuyên ngành Quản lý kinh tế nhằm mục tiêu phát triển các ngành đào tạo trong hệ thống các ngành đào tạo hiện có của Học viện phù hợp với xu hướng phát triển đào tạo, đáp ứng nhu cầu xã hội. Đồng thời đây cũng là một trong những nhiệm vụ mang tính chất chiến lược góp phần xây dựng, phát triển Học viện thành trường đại học trọng điểm quốc gia để đáp ứng nhu cầu xã hội và có vị thế ngày càng cao trong quá trình hội nhập quốc tế.

Với kinh nghiệm nhiều năm đào tạo cử nhân và thạc sĩ, cùng với những nguồn lực hiện có, Khoa Kinh tế chính trị, Học viện Báo chí và Tuyên truyền hoàn toàn có đủ khả năng đào tạo cán bộ trình độ thạc sĩ ngành Kinh tế, chuyên ngành Quản lý kinh tế. Chính vì vậy, Học viện Báo chí và Tuyên truyền trân trọng đề nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo giao nhiệm vụ cho Học viện nói chung và Khoa Kinh tế chính trị nói riêng được đào tạo thạc sĩ ngành Kinh tế, chuyên ngành Quản lý kinh tế.

Ngày 12 tháng 6 năm 2024, Thường trực Hội đồng Trường đã ban hành Nghị quyết thống nhất chủ trương về mở ngành đào tạo trình độ Thạc sĩ Quản lý kinh tế, Ngày 10 tháng 6 năm 2024, tại cuộc họp Ban Giám đốc, đã thống nhất chủ trương cho Khoa kinh tế chính trị phối hợp với các đơn vị chức năng xây dựng Đề án mở ngành Quản lý kinh tế trình độ thạc sĩ., Ngày 08 tháng 7 năm 2024, Giám đốc Học viện đã ban hành Quyết định số 3963/QĐ-HVBCTT-ĐT về việc thành lập Ban chỉ đạo xây dựng Đề án mở ngành đào tạo thạc sĩ Quản lý kinh tế; Quyết định 4010/QĐ-HVBCTT-ĐT ngày 17/7/2024 về việc giao nhiệm vụ xây dựng chương trình đào tạo ngành Quản lý kinh tế; Quyết định 4019/QĐ-HVBCTT-ĐT ngày 17/7/2024 về việc thành lập tổ xây dựng đề án tạo thạc sĩ ngành Quản lý kinh tế gồm 06 thành viên do TS Nguyễn Đức Toàn, Phó Giám đốc Học viện là Tổ trưởng. Ngày 25 tháng 9 năm 2024, Giám đốc Học viện ban hành Quyết định 5336/QĐ-HVBCTT-ĐT về lập hội đồng thẩm định đề án mở ngành đào tạo thạc sĩ Quản lý kinh tế. Sau khi thẩm định, Hội đồng đã chấp thuận báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo phê duyệt Đề án này.

PHẦN 2

NĂNG LỰC CỦA CƠ SỞ ĐÀO TẠO

2.1. Khái quát chung về quá trình đào tạo

2.1.1. Các ngành, trình độ và hình thức đang đào tạo

Cơ cấu tổ chức của HVBC&TT bao gồm: Đảng ủy - Hội đồng Học viện - Ban Giám đốc – Hội đồng Khoa học và Đào tạo, các Khoa, và các đơn vị chức năng - Bộ môn. Hiện nay, Học viện bao gồm 15 Khoa/Viện đào tạo 20 ngành trình độ đại học, 12 ngành trình độ thạc sĩ và 7 ngành trình độ tiến sĩ. Tính đến tháng 4/2024, quy mô đào tạo của Học viện là 10.181 sinh viên, học viên, trong đó có 8.991 sinh viên (chính quy, văn bằng 2, hệ vừa làm vừa học), 995 học viên cao học và 195 NCS. 15 khoa đào tạo (Khoa Triết học, Khoa Kinh tế chính trị, Khoa Chủ nghĩa xã hội khoa học, Khoa Lịch sử Đảng, Khoa Xây dựng Đảng, Khoa Tư tưởng Hồ Chí Minh, Khoa Tuyên truyền, Khoa Kinh tế chính trị, Khoa Nhà nước và Pháp luật, Khoa Quan hệ quốc tế, Khoa Quan hệ công chúng và Quảng cáo, Khoa Xã hội học và Phát triển, Khoa Xuất bản, Khoa Ngoại ngữ, Khoa Giáo dục đại cương và Nghiệp vụ sư phạm); 01 viện (Viện Báo chí - Truyền thông), 06 ban (Ban Quản lý đào tạo, Ban Quản lý Khoa học, Ban Tổ chức – cán bộ, Ban Hợp tác Quốc tế, Ban Thanh tra, và Ban Kế hoạch – Tài chính); 01 văn phòng (Văn phòng Học viện); 02 phòng (Phòng Quản trị và Quản lý KTX, Phòng Công tác chính trị và Hỗ trợ sinh viên), 03 trung tâm (Trung tâm Khảo thí và Đảm bảo chất lượng đào tạo, Trung tâm Thông tin khoa học, Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học), 1 tạp chí (Tạp chí Lý luận chính trị & truyền thông).

Đội ngũ giảng viên, viên chức của Học viện bảo đảm về số lượng và phát triển về chất lượng. Học viện hiện có trên 367 cán bộ, nhân viên và giảng viên được đào tạo chính quy, bài bản và đúng chuyên môn (tính đến 12/2023). Chất lượng đội ngũ cán bộ, giảng viên ngày càng được nâng lên, cụ thể: 20 phó giáo sư; 104 tiến sĩ và 195 thạc sĩ (trong đó có 35 nghiên cứu sinh).

Về ngành nghề và quy mô đào tạo, hiện nay, Học viện bao gồm 15 Khoa/Viện đào tạo 20 ngành trình độ đại học, 12 ngành trình độ thạc sĩ và 7 ngành trình độ tiến sĩ. Tính đến tháng 12/2023, quy mô đào tạo của Học viện là 10.181 sinh viên, học viên, trong đó có 8.991 sinh viên (chính quy, văn bằng 2, hệ vừa làm vừa học), 995 học viên cao học và 195 NCS.

**2.1.2. Quy mô đào tạo các trình độ, hình thức đào tạo của Học viện
Báo chí và Tuyên truyền**

TT	Tên CTĐT	Mã ngành (nếu có)	Số quyết định/văn bản cho phép mở ngành	Ngày ban hành quyết định
1	Đại học			
1.1	Triết học	7229001	3440/QĐ-BGD&ĐT	27/06/2005
1.2	Kinh tế chính trị	7310102	3440/QĐ-BGD&ĐT	27/06/2005
1.3	Lịch sử	7229010	3440/QĐ-BGD&ĐT	27/06/2005
1.4	Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước	7310202	3440/QĐ-BGD&ĐT	27/06/2005
1.6	Quan hệ công chúng	7320108	7269/QĐ-BGDĐT	20/12/2005
1.7	Xuất bản	7320401	3440/QĐ-BGDĐT	27/06/2005
1.8	Công tác xã hội	7760101	516/QĐ-BGDĐT	10/02/2012
1.9	Ngôn ngữ Anh	7220201	512/QĐ-BGDĐT-ĐHSDH	02/02/2005
1.10	Kinh tế, chuyên ngành Quản lý kinh tế	7310101	3440/QĐ-BGDĐT	27/06/2005

1.11	Quan hệ quốc tế	7310206	3144/QĐ- BGDĐT	23/04/2009
1.12	Xã hội học	7310301	3440/QĐ- BGDĐT	27/06/2005
1.13	Báo chí	7320101	3440/QĐ- BGDĐT	27/06/2005
1.14	Truyền thông đại chúng	7320105	2158/QĐ- BGDĐT	08/06/2018
1.15	Truyền thông đa phương tiện	7320104	2488/QĐ- BGDĐT	05/07/2018
1.16	Truyền thông quốc tế	7320107	2158/QĐ- BGDĐT	08/06/2018
1.17	Quản lý nhà nước	7310205	2639/QĐ- BGDĐT	20/07/2018
1.18	Kinh tế, chuyên ngành Kinh tế và quản lý	7340403	2715/QĐ- BGDĐT	27/07/2018
1.19	Chủ nghĩa xã hội khoa học	7229008	3440/QĐ- BGD&ĐT	27/06/2005
1.20	Quảng cáo	7320110	7269/QĐ- BGDĐT	20/12/2005
1.21	Chính trị học	7310201	3440/QĐ- BGD&ĐT	27/6/2005
2	Thạc sĩ			
2.1	Kinh tế chính trị	8310202	8752/QĐ- BGDĐT	29/12/2008

2.2	Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước	8310202	1814/QĐ-BGDĐT	19/05/2017
2.3	Triết học	8229001	1639/QĐ-BGDĐT	14/05/2014
2.4	Chủ nghĩa xã hội khoa học	8229008	1841/QĐ-BGDĐT	19/05/2017
2.5	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	8229015	6243/QĐ-BGDĐT	30/12/2016
2.7	Hồ Chí Minh học	8310204	3373/QĐ-BGDĐT	08/05/2009
2.8	Xã hội học	8310301	1329/QĐ-BGDĐT	07/04/2010
2.9	Báo chí học	8320101	37/QĐ-BGDĐT	05/01/2009
2.10	Xuất bản	8320401	1330/QĐ-BGDĐT	07/04/2010
2.11	Quan hệ công chúng	8320108	3373/QĐ-BGDĐT	08/05/2009
2.12	Quan hệ quốc tế	8310206	3373/QĐ-BGDĐT	08/05/2019
2.13	Chính trị học	8310201	3373/QĐ-BGDĐT	08/5/2009
3	Tiến sĩ			
3.1	Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước	9310202	2883/QĐ-BGDĐT	03/08/2012
3.2	Triết học	9229001	37/QĐ-BGDĐT	05/01/2009

3.3	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	9229015	3373/QĐ-BGDĐT	08/05/2009
3.4	Xuất bản	9320401	1329/QĐ-BGDĐT	07/04/2010
3.5	Báo chí học	9320101	3978/QĐ-BGDĐT	02/10/2018
3.6	Chính trị học	9310201	1330/QĐ-BGDĐT	07/4/2010
3.7	Quan hệ công chúng	93201	Thí điểm	

2.1.3. Kết quả đào tạo cử nhân Kinh tế chính trị, Quản lý kinh tế, Kinh tế và quản lý (Trong 5 năm gần nhất)

Bảng 2.1.3.1: Kết quả đào tạo cử nhân Quản lý kinh tế từ năm 2019 - 2023

TT	Lớp		Sĩ số	Khóa luận TN	Thi TN	Không đủ ĐK	Tốt nghiệp	Xếp loại
1	QLKT tốt nghiệp 2019	35	50	13		15	35	03 Giỏi 22 Khá 10 Trung bình
2	QLKT tốt nghiệp 2020	36	43	12		9	34	04 Giỏi 25 Khá 05 Trung bình
3	QLKT tốt nghiệp 2021	37	45	7		12	33	01 Giỏi 28 Khá 04 Trung bình
4	QLKT tốt nghiệp 2022	38	56	12		14	42	05 giỏi 35 khá 02 Trung

								bình
5	QLKT tốt nghiệp 2023	39	115	29		24	91	14 Giỏi 76 Khá 01 Trung bình

Bảng 2.1.3.2. Kết quả đào tạo cử nhân Kinh tế và quản lý (hệ chuẩn) từ năm 2019 - 2023

TT	Lớp		Sĩ số	Khóa luận TN	Thi TN	Không đủ ĐK	Tốt nghiệp	Xếp loại
1	Kinh tế và quản lý tốt nghiệp 2019		0	0	0	0	0	... Giỏi ... Khá ... Trung bình
2	Kinh tế và quản lý tốt nghiệp 2020		0	0	0	0	0	... Giỏi ... Khá ... Trung bình
3	Kinh tế và quản lý tốt nghiệp 2021		0	0	0	0	0	... Giỏi ... Khá ... Trung bình
4	Kinh tế và quản lý tốt nghiệp 2022	38	55	23		6	49	07 Giỏi 42 Khá 0 Trung bình
5	Kinh tế và quản lý tốt nghiệp	39	59	17		15	44	03 Giỏi 40 Khá 01 Trung bình

	2023							
--	------	--	--	--	--	--	--	--

Bảng 2.1.3.3: Kết quả đào tạo cử nhân Kinh tế chính trị từ năm 2019 - 2023

TT	Lớp		Sĩ số	Khóa luận TN	Thi TN	Không đủ ĐK	Tốt nghiệp	Xếp loại (sinh viên)
1	Kinh tế chính trị tốt nghiệp 2019	35	52	12		15	37	03 Giỏi 23 Khá 11 Trung bình
2	Kinh tế chính trị tốt nghiệp 2020	36	46			13	33	02 Giỏi 24 Khá 07 Trung bình
3	Kinh tế chính trị tốt nghiệp 2021	37	40			14	26	04 Giỏi 16 Khá 06 Trung bình
4	Kinh tế chính trị tốt nghiệp 2022	38	52			12	40	02 Giỏi 37 Khá 01 Trung bình
5	Kinh tế chính trị tốt nghiệp 2023	39	45			16	29	01 Xuất sắc 04 Giỏi 24 Khá 0 Trung bình

TT	Lớp		Sĩ số	Khóa luận TN	Thi TN	Không đủ ĐK	Tốt nghiệp	Xếp loại
1	Kinh tế và quản lý (CLC) tốt nghiệp 2019	35	0	0	0	0	0	... Giỏi ... Khá ... Trung bình
2	Kinh tế và quản lý (CLC) tốt nghiệp 2020	36	0	0	0	0	0	... Giỏi ... Khá ... Trung bình
3	Kinh tế và quản lý (CLC) tốt nghiệp 2021	37	45			12	33	04 Giỏi 28 Khá 01 Trung bình
4	Kinh tế và quản lý (CLC) tốt nghiệp 2022	38	36			12	24	04 Giỏi 18 Khá 02 Trung bình
5	Kinh tế và quản lý (CLC) tốt nghiệp 2023	39	37			23	14	05 Giỏi 09 Khá 0 Trung bình

Bảng 2.1.3.4: Kết quả đào tạo cử nhân Kinh tế và quản lý (hệ chất lượng cao) từ năm 2019 - 2023

2.1.4. Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp có việc làm trong 2 năm gần nhất của ngành đăng ký đào tạo.

Khảo sát tình trạng việc làm của sinh viên tốt nghiệp là một kênh quan trọng đánh giá hiệu quả của chương trình đào tạo ngành Quản lý kinh tế. Qua tổ chức khảo sát đánh giá tình trạng việc làm của sinh viên của sinh viên tốt nghiệp ngành Quản lý kinh tế trong 1- 2 năm gần đây nhằm xác định tỷ lệ sinh viên có việc, chưa có việc, hoặc chưa có việc và đang học nâng cao... Kết quả khảo sát cho thấy, tỉ lệ có việc của sinh viên tốt nghiệp ngành

Quản lý kinh tế Khóa 37 và 38 đều rất cao (trên 90%). Trong đó, tỉ lệ sinh viên có việc làm đúng ngành đào tạo khoảng 80%.

Bảng 1.6: Kết quả khảo sát tình trạng việc làm của sinh viên ngành Quản lý kinh tế

TT	Ngành đào tạo	Tỉ lệ có việc	Tỉ lệ thất nghiệp	Tỉ lệ việc làm đúng chuyên ngành	Tỉ lệ việc làm không đúng chuyên ngành
6	Khóa 37	90.47%	9.53%	78.94%	21.05%
7	Khóa 38	83.33%	16.67%	85.72%	14.28%

2.2. Đội ngũ giảng viên, cán bộ cơ hữu

Học viện Báo chí và Tuyên truyền là cơ sở trọng điểm quốc gia đào tạo, bồi dưỡng cán bộ trong quy hoạch làm giảng viên lý luận Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, cán bộ phóng viên báo chí, biên tập viên xuất bản, cán bộ làm công tác tư tưởng, văn hóa và các khoa học xã hội và nhân văn khác; là cơ sở nghiên cứu khoa học phục vụ mục tiêu nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng cán bộ và phục vụ việc hoạch định đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước về lĩnh vực tư tưởng, báo chí và truyền thông.

Trong những năm qua, công tác xây dựng đội ngũ cán bộ, giảng viên luôn được Học viện quan tâm thích đáng nhằm tạo tiền đề, điều kiện cho việc đổi mới toàn diện mọi lĩnh vực công tác. Đội ngũ cán bộ, giảng viên, nhà khoa học của học viện có trình độ chuyên môn nghiệp vụ cao, đang đảm nhận các vị trí công tác phục vụ giảng dạy ở các bậc đào tạo tiến sĩ, thạc sĩ, cử nhân. Hiện nay, học viện có 407 cán bộ, viên chức, người lao động, trong đó 248 cán bộ là giảng viên. Đội ngũ cán bộ giảng dạy có 01 giáo sư, 33 phó giáo sư, 109 tiến sĩ (bao gồm cả Giáo sư và Phó Giáo sư), 128 thạc sĩ, 11 cử nhân. Ngoài ra, Nhà trường cũng mời nhiều giáo sư, phó giáo sư, tiến sĩ, các chuyên gia đầu ngành về lý luận chính trị và báo chí, truyền thông tham gia giảng dạy, hướng dẫn viết luận án và luận văn, tham gia Hội đồng chấm luận án tiến sĩ, luận văn cao học. Trong số đó, đội ngũ giảng viên tham gia đào tạo Thạc sĩ Quản lý kinh tế của Nhà trường Hiện nay, tính đến thời điểm tháng 03/2024, lực lượng tham gia giảng dạy và CV ở Khoa KTCT là có 43 người trong đó, đội ngũ cán bộ giảng dạy có 04 Phó Giáo sư, 19 Tiến sĩ, 05 Thạc sĩ.

2.3. Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo

2.3.1. Phòng học, giảng đường, trang thiết bị hỗ trợ giảng dạy

1	Hội trường, giảng đường, phòng học các loại, phòng đa năng, phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên cơ hữu	251	18.024
1.1.	Hội trường, phòng học lớn trên 200 chỗ	01	1.450
1.2.	Phòng học từ 100 - 200 chỗ	10	1.317
1.3.	Phòng học từ 50 - 100 chỗ	57	3.990
1.4.	Số phòng học dưới 50 chỗ	29	1.362
1.5.	Số phòng học đa phương tiện	01	100
1.6.	Phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên cơ hữu	153	9.805
2	Thư viện, trung tâm học liệu	6	3.914
3	Trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập	17	3.709
4	Nhà để xe	02	404
5	Nhà Y tế	02	120
6	Nhà ở KTX (phòng)	453	23.723
7	Khu thể thao	3	6.039
8	Khu dịch vụ	4	3.392
9	Phòng chờ GV	10	350
10	Khu WC	10	420
Tổng			60.095

2.3.2.. Phòng thực hành và trang thiết bị phục vụ thực hành

TT	Tên	Các trang thiết bị chính	Số lượng
1.	Phòng thực hành Ảnh báo chí	- Máy ảnh Canon EOS D1200. - Máy ảnh Nikon D800. - Máy tính bàn DELL. - Đèn chụp ảnh	1

2.	Phòng thực hành Xuất bản báo in	- Máy tính bàn. - Máy chủ DELL. - Máy in. - Máy chiếu. - Âm thanh.	1
3.	Phòng thực hành Báo chí - Truyền thông	- Máy tính bàn. - Máy in khổ A3. - Máy chiếu. - Âm thanh.	2
4.	Phòng thực hành Phát thanh - Thu thanh	- Bộ trộn tín hiệu. - Micro. - Loa kiểm âm. - Máy ghi âm KTS.	1
5.	Phòng thực hành quay phim	- Máy quay phim. - Bộ bàn trộn hình Full HD. - Bộ ghi hình Full HD. - Mixer Audio Soundcraft. - Mixer Video SONY. - Tivi - Cầu (Boom Camera). - Ray (Doll Camera). - Bàn ghế trường quay. - Đèn trường quay	1
6.	Phòng thực hành quay phim (Trường quay ảo)	- Máy quay HD HXC-FB75KC. - Bộ điều khiển máy quay HXCU-FB70. - Hệ thống nhắc lời QPRO17. - Hệ thống bàn trộn hình HVS-110. - Hệ thống chuyển mạch tín hiệu	1

		1616HD-3G. - Hệ thống kiểm tra tín hiệu Video (Tivi KD-43X8000E). - Hệ thống trường quay ảo 3D thời gian thực. - Hệ thống phát file. - Hệ thống streaming, quản lý khai thác tư liệu video, truyền hình hội tụ. - Hệ thống thu ghi tín hiệu. - Thiết bị thu/phát tín hiệu. - Hệ thống xử lý tín hiệu và tạo xung đồng bộ. - Hệ thống thiết bị intercom và audio. - Hệ thống ánh sáng trường quay. - Bàn ghế sofa dùng cho talkshow .	
7.	Phòng thực hành dựng hình.	- Máy quay XDCAM HD422. - Máy tính bàn. - Máy chiếu. - Máy in khổ A3.	1
8.	Phòng thực hành học Ngoại ngữ (LAB)	- Máy tính bàn. - Máy chiếu. - Tai nghe.	4
9.	Phòng thực hành Xuất bản	- Máy tính bàn. - Máy chiếu. - Máy Scan. - Máy Phôtô.	1
10.	Phòng thực hành Báo	- Máy tính bàn.	1

	mạng điện tử	- Máy chiếu. - Tai nghe.	
11.	Phòng thực hành tin học	- Máy tính bàn. - Máy chiếu.	4

2.3.4. Thư viện

Học viện Báo chí và Tuyên Truyền được thành lập từ năm 1962 trên cơ sở hợp nhất 3 trường: Trường Nguyễn Ái Quốc phân hiệu I, trường Tuyên huấn Trung Ương và trường Đại học Nhân Dân, thư viện trực thuộc phòng giáo vụ. Cơ sở vật chất ban đầu nghèo nàn chỉ có vài trăm cuốn sách và hai cán bộ chuyên môn thư viện, nơi làm việc rất chật chội. Trong kháng chiến chống Mỹ cứu nước thư viện phải sơ tán nhiều nơi và nhiều lần. Tài liệu chủ yếu phát về các lớp cho học viên đọc, nghiên cứu và tự bảo quản trong quá trình học ở trường.

- Từ tháng 11/ 1973, Thư viện tách riêng khỏi Phòng Giáo vụ thành Phòng Tư liệu – Thư viện trực thuộc Ban Giám hiệu.

- Năm 1983 trường Tuyên huấn Trung Ương sát nhập với trường Nguyễn Ái Quốc 5 (tiền thân là trường Đại học Chính trị, Bộ Giáo dục). Số đầu sách của Thư viện tăng lên đáng kể: kho phòng đọc và phòng mượn trên 10.000 tên sách với số lượng 80.000 cuốn sách, kho giáo trình gần 15.000 cuốn, kho sách ngoại văn (tiếng Nga là chính và tiếng Anh): 3000 cuốn sách.

Số cán bộ thư viện là 19 người (trong đó có 04 cán bộ có trình độ đại học thư viện, 10 cán bộ đại học chuyên ngành khác và 05 cán bộ trung cấp).

- Năm 1987, Thư viện tách ra khỏi phòng tư liệu thư viện và trở thành phòng thư viện hoạt động độc lập.

- Do yêu cầu chung của công tác đào tạo cán bộ Đảng phù hợp với yêu cầu thực tế ngày 20/11/1990 chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng đã ra quyết định 406- HĐBT công nhận Trường Đại học Tuyên giáo là trường đại học trong hệ thống giáo dục quốc dân và trường trực thuộc Ban bí thư.

- Ngày 10/3/1993, theo quyết định số 61/QĐ/TW của Bộ Chính trị Ban chấp hành Trung Ương Đảng về việc sắp xếp lại các trường Đảng

Trung Ương trở thành trường Đại học trực thuộc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh với tên gọi Phân viện Báo chí và Tuyên truyền. Thư viện trường là một ngôi nhà hai tầng và một dãy nhà cấp 4 để sách có đầy đủ các phòng làm việc.

- Năm 2004, Thư viện được xây dựng khang trang đẹp đẽ: thiết kế 3 tầng với diện tích 3419m², trong đó có 2 phòng đọc diện tích 100m², số lượng chỗ ngồi là 150 người, phòng bổ sung kỹ thuật, phòng hội thảo khoa học, phòng Internet... và 4 kho để sách, các trang thiết bị phục vụ tương đối hiện đại.

- Ngày 1/6/2006, Thư viện Học viện có quyết định trở thành Trung tâm Thông tin – Tư liệu – Thư viện.

Hiện nay, Trung tâm Thông tin Khoa học trực thuộc Học viện Báo chí và Tuyên truyền là cơ sở thông tin quan trọng, hỗ trợ giáo dục đào tạo và nghiên cứu khoa học trong toàn Học viện. Tổng diện tích sử dụng của Trung tâm là 3419m² trong đó có 2 phòng đọc diện tích 100m², số lượng chỗ ngồi là 200 người, phòng bổ sung kỹ thuật, phòng hội thảo khoa học, phòng Internet với trên 20 máy tính phục vụ tra cứu, 4 kho để sách cùng các trang thiết bị phục vụ tương đối hiện đại. Trung tâm Thông tin Khoa học thường xuyên cập nhật các tài liệu mới, tổ chức biên tập, in ấn và phát hành giáo trình, tài liệu học tập phục vụ công tác nghiên cứu khoa học và đào tạo, bồi dưỡng cán bộ công chức và sinh viên của Học viện. Đặc biệt, hệ thống Thư viện đáp ứng nhu cầu đa dạng của người đọc với các phòng: phòng đọc sách, phòng đọc báo, tạp chí, phòng mượn tổng hợp, phòng ngoại văn... Hoạt động nghiệp vụ của Thư viện được tin học hoá giúp cho việc mượn, trả và quản lý, khai thác có hiệu quả các tài liệu của Thư viện. Các sách liên quan đến lĩnh vực chính trị, xã hội, ngoại giao,... nói chung và công tác tư tưởng nói riêng rất phong phú, là nguồn tư liệu quý giá để tra cứu tài liệu cho hoạt động đào tạo và học tập.

Nhà trường cũng có Thư viện điện tử hiện đại trang bị hệ thống sách, giáo trình tài liệu tham khảo phong phú đa dạng với 3608 tài liệu.

Trong đó có, 362 đề tài khoa học; 249 giáo trình; 33 khóa luận tốt nghiệp; 37 luận án tiến sĩ; 1982 luận văn thạc sĩ; 899 sách tham khảo; 24 tạp chí; 22 thông tin. Bạn đọc có thể đọc toàn văn tài liệu số theo địa chỉ: thuvien.ajc.edu.vn:8080/dspace

2.4. Hoạt động nghiên cứu khoa học

Hoạt động NCKH lĩnh vực lý luận chính trị, tư tưởng - văn hóa, báo chí, truyền thông và một số ngành khoa học xã hội và nhân văn khác là nhiệm vụ quan trọng được Học viện chú trọng đẩy mạnh và đạt được nhiều kết quả đáng kể. Các hoạt động NCKH chủ yếu của Học viện bao gồm: thực hiện đề tài NCKH các cấp; viết giáo trình và tài liệu giảng dạy; tổ chức hội thảo, tọa đàm khoa học các cấp. Các hướng nghiên cứu chính của Học viện tập trung vào các lĩnh vực quan trọng như lý luận chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, khoa học chính trị và một số ngành khoa học xã hội nhân văn khác.

Từ năm 2019 đến hết tháng 3 năm 2024, Học viện đã thực hiện 15 đề tài cấp Nhà nước, 15 đề tài cấp Bộ, 700 đề tài cấp cơ sở và cơ sở trọng điểm và 255 đề tài NCKH của sinh viên.

Bảng 2. Số lượng công trình NCKH tương ứng với kế hoạch trong 5 năm (2019-2024)

TT	Đề tài cơ sở và cơ sở trọng điểm	Đề tài khoa học sinh viên	Đề tài cấp Bộ	Đề tài cấp Nhà nước
2019	155	33	3	4
2020	156	40	3	4
2021	136	39	3	2
2022	136	91	3	2
2023	117	52	3	3

2.6. Hợp tác quốc tế trong hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học.

2.6.1. Hội nghị, hội thảo khoa học ngành, chuyên ngành trong và ngoài nước (HTQT)

Danh sách hội nghị, hội thảo quốc tế liên quan đến ngành đăng ký trong 5 năm gần nhất (2019-2023)

TT	Tên hội nghị, hội thảo	Thời gian, địa điểm	Đơn vị đồng tổ chức
1.	Công nghệ truyền thông chính sách trong kỷ nguyên 4.0	Hà Nội, 1/11/2019	- Cơ quan hợp tác quốc tế Hàn Quốc (KOICA) tài trợ - Đài tiếng nói Việt Nam (VOV)
2.	Quản lý thông tin trên mạng xã hội trong bối cảnh bùng nổ thông tin	Hà Nội, 1/11/2020	- Cơ quan hợp tác quốc tế Hàn Quốc (KOICA) tài trợ - Cục Phát thanh, Truyền hình và Thông tin điện tử
3.	Quản trị khủng hoảng thông tin trong bối cảnh đại dịch COVID-19	Hà Nội, 1/11/2021	- Cơ quan hợp tác quốc tế Hàn Quốc (KOICA) tài trợ - Báo Nhân Dân
4.	Truyền thông chính sách trong bối cảnh chuyển đổi số và hội nhập quốc tế	Hà Nội, 1/11/2022	- Cơ quan hợp tác quốc tế Hàn Quốc (KOICA) tài trợ - Báo Nhân Dân
5.	Nguồn lực cho truyền thông chính sách	Hà Nội, 1/11/2023	- Cơ quan hợp tác quốc tế Hàn Quốc (KOICA) tài trợ - Tạp chí Cộng sản

2.6.2. Chương trình, đề tài hợp tác nghiên cứu khoa học với nước ngoài trong 5 năm gần nhất (2019-2023) liên quan đến ngành đăng ký đào tạo đã và đang triển khai

TT	Năm	Đối tác	Nước	Nội dung
1	2019-2023	Đại học Middlesex	Anh	Chương trình liên kết quốc tế Quảng cáo, PR và Thương hiệu
2	2019	Đại học Nữ sinh Sookmyung	Hàn Quốc	Bản ghi nhớ về Chương trình lớp học trực tuyến toàn cầu
3	2022	Đại học Nữ sinh Sookmyung	Hàn Quốc	Bản ghi nhớ về Chương trình lớp học trực tuyến toàn cầu
4	2022	Đại học Nữ sinh Sookmyung	Hàn Quốc	Bản ghi nhớ hợp tác về chương trình trao đổi sinh viên và du học sinh
5	2019-2023	Liên minh Châu Âu Hiệp hội các trường Đại học Italia AlmaLaurea	Italia	Dự án quốc tế Khảo sát tình trạng việc làm của sinh viên Việt Nam sau tốt nghiệp

6	2022-2024	Cơ quan Hợp tác quốc tế Hàn Quốc (KOICA)	Hàn Quốc	Dự án “Hỗ trợ Học viện Báo chí và Tuyên truyền nâng cao năng lực thực thi chính sách của Chính phủ” giai đoạn 2
---	-----------	--	----------	---

2.6.3. Các hình thức hợp tác quốc tế khác

TT	Năm	Đối tác	Nước	Nội dung
1.	2023	Viện thông tin, Văn hóa và Du lịch	Lào	Lớp bồi dưỡng

2.7. Về đảm bảo và kiểm định chất lượng giáo dục

Trong những năm gần đây, Học viện đã quan tâm, chú trọng đến công tác đảm bảo chất lượng, coi đảm bảo chất lượng là nhiệm vụ then chốt trong mọi hoạt động. Từ năm 2012, Học viện đã thành lập TTKT&ĐBCLĐT, sau đó đến năm 2018 đổi tên thành TTKT&KĐCLĐT, năm 2022 đổi thành TTKT&ĐBCLĐT. Trung tâm là đơn vị tham mưu các chính sách về ĐBCL của HVBCCTT và là đầu mối triển khai các hoạt động ĐBCL trong Học viện. Từ năm 2015, Học viện đã thực hiện tự đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục theo Bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục Trường đại học được ban hành theo Thông tư số 65/2007/QĐ-BGDĐT ngày 01 tháng 11 năm 2007. Quá trình tự đánh giá giúp Học viện xác định những điểm mạnh và điểm tồn tại, làm căn cứ để tiến hành các cải tiến chất lượng. Đến năm 2018, Học viện thực hiện đánh giá đồng cấp và đạt chứng nhận kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục. Hàng năm, Học viện đều xây dựng và triển khai các kế hoạch đảm bảo chất lượng đào tạo. Cuối năm 2019, Học viện đã thực hiện thành công kiểm định, đánh giá ngoài chất lượng đào tạo CTĐT đào tạo các ngành Triết học, Xã hội học, Quan hệ công chúng và Quan hệ quốc tế. Năm 2021 Học viện thực hiện thành công kiểm định, đánh giá ngoài chất lượng CTĐT đào tạo các ngành Lịch sử Đảng, Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước, Chủ nghĩa xã hội, Ngôn ngữ Anh, Kinh tế chính trị, Xuất bản và Quảng cáo. Năm 2024, Học viện đang thực hiện kiểm định, đánh giá ngoài chất lượng đào tạo các chương trình đào tạo: Kinh tế chính trị, Truyền thông quốc tế,

Quản lý công và Truyền thông chính sách (thời gian đánh giá chính thức từ 15-19/8/2024).

Trong năm 2023, Học viện thực hiện rà soát, cập nhật và xây dựng mới bộ công cụ khảo sát các bên liên quan về chất lượng đào tạo của Học viện (trong đó xây dựng mới 06 mẫu phiếu; rà soát, cập nhật 07 mẫu phiếu) để triển khai áp dụng trong năm học 2023 - 2024. Đồng thời tổ chức thực hiện 02 lượt khảo sát sinh viên đại học chính quy về chất lượng giờ giảng và môn học với tổng số 1.657 lượt học phần và 468 lượt giảng viên được đánh giá; khảo sát cán bộ - giảng viên về chất lượng đào tạo của Học viện (319 người); khảo sát sinh viên cuối khóa về chất lượng đào tạo (1643 SV); khảo sát nhà tuyển dụng về chất lượng đào tạo (268 nhà tuyển dụng); khảo sát chất lượng tuần sinh hoạt công dân đầu khóa (1569 SV), giữa khóa (2024 SV) và cuối khóa (1668 SV). Ngoài ra còn hoàn thành tổ chức tốt việc đánh giá ngoài (giai đoạn 2) đối với cơ sở giáo dục.

PHẦN 3

CHƯƠNG TRÌNH VÀ KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO

3.1. Chương trình đào tạo

3.1.1. Ngành đăng ký đào tạo: *Quản lý Kinh tế*

Mã ngành đào tạo: 831 02 06

Tên chương trình đào tạo: Thạc sĩ Quản lý kinh tế

Trình độ đào tạo: Thạc sĩ

Loại hình đào tạo: Chính quy không tập trung

3.1.2. Căn cứ xây dựng chương trình đào tạo

3.1.2.1. Căn cứ thực tiễn

Một là, đề án được xây dựng trên cơ sở tham khảo các chương trình đào tạo thạc sĩ trong và ngoài Học viện Báo chí và Tuyên truyền;

Bên cạnh đó, để phát huy thế mạnh của Học viện đồng thời tiệm tiến với đào tạo hiện đại, Học viện có tham khảo các chương trình đào tạo thạc sĩ Quản lý kinh tế tại Đại học Thương mại, Đại học Kinh tế Quốc dân, Đại học Kinh tế thành phố Hồ Chí Minh.

Bên cạnh đó, để tiệm cận với các chương trình đào tạo tiên tiến trên thế giới. Học viện có tham khảo chương trình đào tạo thạc sĩ Quản lý kinh tế của Đại học Essex, Vương Quốc Anh, đại học Melbourne của Úc, đại học Hanouver của Đức, Đại học Lucerne của Thụy sĩ, Đại học Saint của Malaysia, Đại học Humboldt-Universität zu Berlin

Hai là, đề án được xây dựng trên cơ sở kết quả khảo sát nhu cầu xã hội đối với trình độ thạc sĩ Quản lý kinh tế:

Khảo sát nhu cầu sử dụng nhân lực tại các cơ quan quản lý nhà nước (Bộ Công thương, Ủy ban nhân dân quận Cầu Giấy, Ủy ban nhân dân quận Đống Đa); các doanh nghiệp (Tập đoàn Viễn thông quân đội Viettel, Công ty cổ phần dịch vụ truyền thông thế hệ mới); các cơ quan thông tấn báo chí và truyền thông (Tạp chí Cộng sản, Tạp chí Tài chính...) và các trường đại học lớn (Học viện quản lý giáo dục, Học viện Ngân hàng, Học viện cán bộ thành phố Hồ Chí Minh, trường đào tạo cán bộ Lê Hồng Phong, trường chính trị tỉnh Bắc Ninh, trường chính trị tỉnh Vĩnh Phúc, trường chính trị tỉnh Sóc Trăng, trường chính trị tỉnh Bạc Liêu) và trên cơ sở lấy ý kiến đánh giá về sự cần thiết của đào tạo trình độ Thạc sĩ ngành Kinh tế, chuyên ngành Quản lý kinh tế tại Học viện Báo chí và Tuyên truyền cho thấy, Học viện

Báo chí và Tuyên truyền cần tập trung đào tạo nguồn nhân lực có kiến thức chuyên sâu về Quản lý kinh tế và có khả năng áp dụng kiến thức vào công tác quản lý, nghiên cứu, giảng dạy, biên tập, tuyên truyền, báo cáo các vấn đề quản lý kinh tế... Nhu cầu về nguồn nhân lực này đặc biệt quan trọng với công cuộc xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội và xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam và toàn thế giới.

Ba là, Khảo sát chất lượng đào tạo

Kết quả khảo sát chất lượng đào tạo đối với học viên tốt nghiệp trước năm 2023 cho thấy:

- Cần tăng cường kiến thức, trải nghiệm thực tế liên quan đến ngành kinh tế, chuyên ngành Quản lý kinh tế;
- Cần tăng cường thực hành, gắn lý thuyết với thực tiễn; tăng cường các học phần thực hành/nghiệp vụ nghiên cứu quản lý kinh tế;
- Cần phát triển kỹ năng phân tích sâu các vấn đề/sự kiện liên quan đến Quản lý kinh tế;
- Cần tăng cường thời gian tự nghiên cứu, vận dụng lý luận quản lý kinh tế vào thực tiễn.
- Cần đa dạng các hình thức đánh giá học phần trong chương trình đào tạo nhằm phát triển năng lực nghiên cứu quản lý kinh tế cho người học, ngoài hình thức thi tự luận (không sử dụng tài liệu), cần phát triển thêm hình thức tự luận (được sử dụng tài liệu) tiểu luận, bài tập lớn...

*Để xây dựng khung chương trình và đề cương chi tiết học phần, chúng tôi đã tiến hành phương pháp tọa đàm, hội đồng chuyên môn.

Để có thêm thông tin về yêu cầu của xã hội về năng lực thạc sĩ Quản lý kinh tế, chúng tôi đã xây dựng khung chương trình đào tạo thạc sĩ quản lý kinh tế và đề cương chi tiết từng học phần trong chương trình đào tạo Thạc sĩ Quản lý kinh tế. Chúng tôi gửi đến các chuyên gia, các nhà khoa học và xin ý kiến trong tọa đàm khoa học và hội đồng khoa học chuyên môn. Ý kiến trong tọa đàm khoa học và các hội đồng chuyên môn đã cho chúng tôi thêm định hướng rõ ràng hơn về việc hoàn thiện chương trình đào tạo thạc sĩ quản lý kinh tế, thể hiện ở một số khía cạnh sau:

Một là, thạc sĩ quản lý kinh tế cần được trang bị và kỹ năng tư duy hệ thống, đánh giá tổng thể, xây dựng tầm nhìn, sứ mệnh, triết lý của cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp cho cán bộ quản lý. Đó là nhiệm vụ của khoa học Triết học, khoa chính trị học và những kiến thức thực tiễn về kinh tế xã hội.

Hai là, thực sĩ quản lý kinh tế cần vững vàng kiến thức và kỹ năng quản lý và kinh tế học. Những phạm trù, nguyên lý, quy luật cơ bản trong lĩnh vực quản lý và kinh tế cần được trang bị một cách có hệ thống.

Ba là, những kiến thức và kỹ năng liên quan đến thực thi nhiệm vụ quản lý ở bất kỳ vị trí nào như kế hoạch hóa; phát triển tổ chức; kiểm tra, giám sát và lãnh đạo tổ chức.

Bốn là, có năng lực nghiên cứu lý luận và thực tiễn liên quan đến quản lý kinh tế, biết đề xuất các giải pháp, sáng kiến phát triển công tác quản lý tại chính cơ quan, đơn vị mình. Cùng với đó là có năng lực đánh giá, trọng dụng các sáng kiến có giá trị cho sự phát triển của cơ quan, đơn vị và doanh nghiệp.

Đó là những căn cứ quan trọng để chúng tôi hoàn thiện khung chương trình, hoàn thiện đề cương chi tiết từng học phần trong chương trình đào tạo.

3.1.2.2. Căn cứ pháp lý

Luật Giáo dục đại học số 08/2012/QH13 ngày 18/06/2012 và Luật số 34/2018/QH14 ngày 19/11/2018 của Quốc hội ban hành Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Luật Giáo dục số 43/2019/QH 14 ngày 14/6/2019 của Quốc hội ban hành;

Luật giáo dục đại học số 42/VBHN-VPQH của Quốc hội ban hành ngày 10/12/2018;

Căn cứ Quyết định số 369-QĐ/HVCTQG ngày 22/5/2024 của Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy của Học viện Báo chí và Tuyên truyền;

Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam;

Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Quyết định số 1111/QĐ-HVBC TT-ĐT ngày 12/03/2022 của Giám đốc Học viện Báo chí và Tuyên truyền ban hành Quy định đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của Học viện Báo chí và Tuyên truyền;

Công văn số 1669/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2019 về việc thay thế tài liệu đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của GDDH của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ;

Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;

Thông tư số 09/2022/TT-BGDĐT ngày 6/6/2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định Danh mục thống kê ngành đào tạo của giáo dục đại học.

3.1.3. Tóm tắt chương trình đào tạo

3.1.3.1. Mục tiêu đào tạo

a. Mục tiêu chung

Đào tạo thạc sĩ ngành Quản lý kinh tế tại Học viện Báo chí và Tuyên truyền nhằm cung cấp cho xã hội nguồn nhân lực có trình độ sau đại học; có phẩm chất chính trị và đạo đức tốt; có kiến thức về kinh tế, quản lý và kinh doanh, có tri thức chuyên sâu về kinh tế chính trị, quản lý kinh tế và kinh tế học hiện đại; có năng lực giảng dạy trong các trường chính trị tỉnh, thành, các Học viện, các trường đại học, cao đẳng,...; có năng lực làm việc trong các cơ quan Đảng, Nhà nước; các cơ quan nghiên cứu khoa học; có năng lực hoạch định chính sách và tư vấn giải quyết các vấn đề thực tiễn về kinh tế, quản lý và kinh doanh; có năng lực giải quyết các vấn đề chuyên môn trong lĩnh vực kinh tế và quản lý kinh tế.

b. Mục tiêu cụ thể

- Về kiến thức:

+ Khối kiến thức chung: thạc sĩ quản lý kinh tế có kiến thức về thế giới quan, nhân sinh quan, giá trị quan khoa học và cách mạng, có kiến thức về chính trị học hiện đại, về phương pháp nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn.

+ Khối kiến thức cơ sở ngành kinh tế: Thạc sĩ quản lý kinh tế vững vàng kiến thức về kinh tế học vi mô nâng cao, kinh tế học vĩ mô nâng cao, hệ thống các học thuyết về quản lý kinh tế, kinh tế phát triển nâng cao, kinh tế quốc tế nâng cao.

+ Khối kiến thức chuyên ngành quản lý kinh tế: thạc sĩ quản lý kinh tế vững vàng kiến thức lý luận và có năng lực vận dụng các kiến thức chuyên ngành quản lý kinh tế vào giải quyết những nhiệm vụ chuyên môn được giao. Bao gồm các kiến thức gắn liền với các chức năng của khoa học quản lý kinh tế như: kế hoạch hóa phát triển kinh tế; xây dựng bộ máy quản lý kinh tế; xây dựng hệ thống kiểm tra, giám sát kinh tế; lãnh đạo kinh tế với tổ chức, cơ quan, doanh nghiệp; vận dụng các giá trị học thuyết kinh tế Mác-Leenin vào quản lý nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; quản lý tài chính công; phân tích và sử dụng một số chính sách kinh tế.

- Về kỹ năng:

+ Kỹ học tập nghiên cứu: Có năng lực lập luận, tư duy theo cách tiếp cận hệ thống, nghiên cứu và giải quyết các vấn đề phát sinh trong lĩnh vực quản lý kinh tế; Có năng lực áp dụng những vấn đề lý thuyết vào thực tiễn xây dựng và thực thi chiến lược, chính sách; Có năng lực hoạch định, chuyên gia cao cấp về phân biện chiến lược, chính sách và quyết định quản lý kinh tế ở tầm vĩ mô và vi mô.

+ Kỹ năng lao động quản lý: Các kỹ năng tự nghiên cứu, tư vấn lãnh đạo, xử lý tình huống, ứng phó với sự thay đổi...; Các kỹ năng làm việc nhóm, phối hợp các thành viên nhóm, lãnh đạo nhóm..); Có năng lực sử

dụng tốt các phần mềm Microsoft Office (Word, Excel, Power Point) và một số phần mềm thống kê trong phân tích kinh tế; Các kỹ năng giao tiếp, thuyết trình các vấn đề về chính sách, chương trình hành động của các tổ chức công và tư trong quản lý kinh tế; giao tiếp được bằng tiếng Anh với trình độ mức tương đương cấp độ B1 của khung Châu Âu.

- Năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm:

+ Chủ động, tích cực xây dựng lối sống, tác phong làm việc chuẩn mực; có quan điểm kiên định, tự chủ và sáng tạo trong xử lý tình huống;

+ Thành thực thực hành phẩm chất đạo đức nghề nghiệp: công tâm, khách quan, chuyên nghiệp, tôn trọng chữ tín và có tinh thần trách nhiệm.

+ Thành thực trong tuân thủ pháp luật, gương mẫu chấp hành nghiêm chỉnh quy chế làm việc trong tổ chức Rèn luyện nâng cao bản lĩnh chính trị, giữ vững lập trường, quan điểm mácxít; đấu tranh bảo vệ và phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm, đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước; có thái độ tích cực, thẳng thắn và kiên định đấu tranh chống lại những biểu hiện giao động, những luận điệu sai trái, xuyên tạc, thù địch, chống phá đối với Đảng và Nhà nước Việt Nam.

3.1.3.2. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs)

- Về kiến thức:

PLO1: Hiểu và vận dụng tốt kiến thức lý luận về thế giới quan, nhân sinh quan, giá trị quan khoa học và cách mạng, có kiến thức về chính trị học hiện đại, về phương pháp nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn.

PLO2: Hiểu và vận dụng tốt kiến thức về kinh tế học vi mô nâng cao, kinh tế học vĩ mô nâng cao, hệ thống các học thuyết về quản lý kinh tế, kinh tế phát triển nâng cao, kinh tế quốc tế nâng cao.

PLO3: Hiểu và vận dụng các kiến thức chuyên ngành quản lý kinh tế vào giải quyết những nhiệm vụ chuyên môn được giao. Bao gồm các kiến thức gắn liền với các chức năng của khoa học quản lý kinh tế như: kế hoạch hóa phát triển kinh tế

PLO4: Hiểu và vận dụng tốt kiến thức để xây dựng bộ máy quản lý kinh tế; xây dựng hệ thống kiểm tra, giám sát kinh tế; lãnh đạo kinh tế với tổ chức, cơ quan, doanh nghiệp;

PLO5: Vận dụng các giá trị học thuyết kinh tế Mác-Lênin vào quản lý nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; quản lý tài chính công; phân tích và sử dụng một số chính sách kinh tế.

- Về kỹ năng:

PLO6: Thành thực trong lập luận, tư duy theo cách tiếp cận hệ thống, nghiên cứu và giải quyết các vấn đề phát sinh trong lĩnh vực quản lý kinh tế;

PLO7: Thành thực vận dụng những vấn đề lý thuyết vào thực tiễn xây dựng và thực thi chiến lược, chính sách;

PLO8: thành thực hoạch định, chuyên gia cao cấp về phân biện chiến lược, chính sách và quyết định quản lý kinh tế ở tầm vĩ mô và vi mô.

PLO9: Thành thực hoạt động tự nghiên cứu, tư vấn lãnh đạo, xử lý tình huống, ứng phó với sự thay đổi...; Các kỹ năng làm việc nhóm, phối hợp các thành viên nhóm, lãnh đạo nhóm..);

PLO10: Thành thực sử dụng các phần mềm Microsoft Office (Word, Excel, Power Point) và một số phần mềm thống kê trong phân tích kinh tế; thành thực giao tiếp, thuyết trình các vấn đề về chính sách, chương trình hành động của các tổ chức công và tư trong quản lý kinh tế; giao tiếp được bằng tiếng Anh với trình độ mức tương đương cấp độ B1 của khung Châu Âu.

- Năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm:

PLO11: Chủ động, tích cực xây dựng lối sống, tác phong làm việc chuẩn mực; có quan điểm kiên định, tự chủ và sáng tạo trong xử lý tình huống;

PLO12: Chủ động, sáng tạo trong rèn rũa phẩm chất đạo đức nghề nghiệp: công tâm, khách quan, chuyên nghiệp, tôn trọng chữ tín và có tinh thần trách nhiệm.

PLO13: Chủ động tuân thủ nghiêm pháp luật, gương mẫu chấp hành nghiêm chỉnh quy chế làm việc trong tổ chức

PLO14: Chủ động học tập, phát triển kiến thức, kỹ năng làm việc suốt đời.

PLO15: Không ngừng rèn luyện nâng cao bản lĩnh chính trị, giữ vững lập trường, quan điểm mácxít; đấu tranh bảo vệ và phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm, đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước; có thái độ tích cực, thẳng thắn và kiên định đấu tranh chống lại

những biểu hiện giao động, những luận điệu sai trái, xuyên tạc, thù địch, chống phá đối với Đảng và Nhà nước Việt Nam.

3.1.3.3. Khung chương trình đào tạo

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tín chỉ			Số tiết						Học phần tiên quyết
				Lý thuyết (LT)	Thực hành (TH)	Tự NC	Lý thuyết		Thực hành			Tự học	
							Trực tiếp	Trực tuyến	Tại phòng LT	Tại phòng TH	Thực địa/ trực tuyến		
A. Kiến thức chung			14										
1	CHTM 01001	Triết học	4	3,5	0,25	0,25	32,5	20	0	0	7,5	11,5	
2	CHTG 01002	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	2	1,5	0,25	0,25	22,5	0	0	0	7,5	11,25	
3	CHCT 01003	Chính trị học nâng cao	2	1,5	0,25	0,25	22,5	0	0	0	7,5	11,25	
4	CHKT 03009	Thực tế kinh tế xã hội 1	3	0.5	2.0	0.5	7.5	0	0	0	60	22,5	
5	CHKT 03010	Thực tế kinh tế xã hội 2	3	0.5	2.0	0.5	7.5	0	0	0	60	22,5	CH KT 030 20
B. Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp			46										
B1. Khối kiến thức cơ sở ngành			10										
Cơ sở ngành bắt buộc			4										
6	CHKT 01	Lý thuyết kinh tế vi mô và ứng dụng	2	1,5	0,25	0,25	22,5	0	0	0	7,5	11,25	
7	CHKT	Lý thuyết	2	1,5	0,25	0,25	22,5	0	0	0	7,5	11,	CHK

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tín chỉ			Số tiết						Học phần tiên quyết
				Lý thuyết (LT)	Thực hành (TH)	Tự NC	Lý thuyết		Thực hành			Tự học	
							Trực tiếp	Trực tuyến	Tại phòng LT	Tại phòng TH	Thực địa/ trực tuyến		
	02	kinh tế vĩ mô và ứng dụng										25	T01
Cơ sở ngành tự chọn			6/9										
8	CHKT 03	Kinh tế phát triển bền vững	3	2	0,5	0,5	20	10	0	0	15	22.5	CH KT 02
9	CHKT 03050	Sự tiến triển của các lý luận về quản lý kinh tế trong lịch sử	3	2	0,5	0,5	20	10	0	0	15	22.5	CH KT 02
10	CHKT 04	Những vấn đề cơ bản của quan hệ kinh tế quốc tế trong thời đại ngày nay	3	2	0,5	0,5	20	10	0	0	15	22.5	CH KT 02
B2. Khối kiến thức ngành			21										
Ngành bắt buộc			16										
11	CHKT 15	Những vấn đề quản lý	3	2	0,5	0,5	30	0	0	0	15	22,5	

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tín chỉ			Số tiết						Học phần tiên quyết
				Lý thuyết (LT)	Thực hành (TH)	Tự NC	Lý thuyết		Thực hành			Tự học	
							Trực tiếp	Trực tuyến	Tại phòng LT	Tại phòng TH	Thực địa/ trực tuyến		
		kinh tế hiện đại											
12	CHKT 03051	Kế hoạch hóa phát triển kinh tế	3	2	0,5	0,5	20	10	0	0	15	22,5	CH KT 15
13	CHKT 03052	Khoa học tổ chức trong quản lý kinh tế	3	2	0,5	0,5	20	10	0	0	15	22,5	CH KT 030 51
14	CHKT 03053	Khoa học kiểm soát trong quản lý kinh tế	3	2	0,5	0,5	20	10	0	0	15	22,5	CH KT 030 52
15	CHKT 03054	Khoa học lãnh đạo trong quản lý kinh tế	2	1,5	0,25	0,25	22,5	0	0	0	7,5	11,25	CH KT 030 53
16	CHKT 03055	Quản lý tài chính công	2	1,5	0,25	0,25	22,5	0	0	0	7,5	11,25	CH KT 030 54
Ngành tự chọn			5/10										
17	CHKT 10	Giá trị học	3	2	0,5	0,5	20	10	0	0	15	22,5	CH KT

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tín chỉ			Số tiết						Học phần tiên quyết
				Lý thuyết (LT)	Thực hành (TH)	Tự NC	Lý thuyết		Thực hành			Tự học	
							Trực tiếp	Trực tuyến	Tại phòng LT	Tại phòng TH	Thực địa/ trực tuyến		
		thuyết kinh tế của C.Mác trong thời đại ngày nay.											03055
18	CHKT 11	Giá trị học thuyết kinh tế của V.I.Lênin trong thời đại ngày nay.	2	1,5	0,25	0,25	22,5	0	0	0	7,5	11,25	CH KT 10
19	CHKT 13	Những vấn đề KTCT trong thời kỳ quá độ lên CNXH	2	1,5	0,25	0,25	22,5	0	0	0	7,5	11,25	CH KT 11
20	CHKT 03011	Phân tích chính sách kinh tế: lý	3	2	0,5	0,5	20	10	0	0	15	22.5	

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tín chỉ			Số tiết						Học phần tiên quyết
				Lý thuyết (LT)	Thực hành (TH)	Tự NC	Lý thuyết		Thực hành			Tự học	
							Trực tiếp	Trực tuyến	Tại phòng LT	Tại phòng TH	Thực địa/ trực tuyến		
		thuyết và ứng dụng											
B3. Luận văn/sản phẩm tốt nghiệp			15				30	0	390	0	0	0	
Tổng			60										

3.2. Kế hoạch tuyển sinh, đào tạo và đảm bảo chất lượng đào tạo

3.2.1. Kế hoạch tuyển sinh

3.2.1.1. Đối tượng được đăng ký dự thi

Điều kiện chung: là công dân Việt Nam và người nước ngoài đáp ứng các điều kiện sau:

Một là, điều kiện về văn bằng:

Có bằng đại học ngành/chuyên ngành đúng với ngành/chuyên ngành đào tạo trình độ thạc sĩ Quản lý kinh tế.

Có bằng tốt nghiệp đại học ngành/chuyên ngành phù hợp với ngành/chuyên ngành đào tạo trình độ thạc sĩ Quản lý kinh tế và có giấy chứng nhận hoàn thành các học phần bổ sung kiến thức do Học viện Báo chí và Tuyên truyền cấp.

Có bằng tốt nghiệp đại học, thạc sĩ nước ngoài phù hợp với ngành dự tuyển (phải có xác nhận của Cục Quản lý chất lượng, Bộ Giáo dục và Đào tạo).

Hai là, điều kiện về thâm niên công tác:

Người có bằng tốt nghiệp đại học ngành đúng: Được dự thi ngay sau khi tốt nghiệp đại học nếu xếp loại tốt nghiệp từ khá trở lên. Trường hợp có bằng tốt nghiệp xếp loại khác, phải có ít nhất 1 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực chuyên môn đăng ký dự thi kể từ ngày có quyết định tiếp nhận công tác đến ngày nộp hồ sơ đăng ký dự thi.

Người có bằng tốt nghiệp đại học ngành phù hợp: Phải có ít nhất 2 năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực chuyên môn đăng ký dự thi kể từ ngày có quyết định tiếp nhận công tác đến ngày nộp hồ sơ đăng ký dự thi.

Ba là, điều kiện về sức khỏe: Đủ sức khỏe để học tập (có giấy chứng nhận sức khỏe của bệnh viện đa khoa cấp huyện trở lên)

3.2.1.2. Danh mục các ngành và môn học bổ sung

Ngành đúng	Ngành Kinh tế Ngành Kinh tế, chuyên ngành Quản lý kinh tế Ngành Kinh tế, chuyên ngành Kinh tế và Quản lý Ngành Kinh tế, chuyên ngành Kinh tế chính trị. Ngành Kinh tế chính trị	Không
Ngành phù hợp Nhóm 1	Kinh tế đầu tư; Kinh tế phát triển; Kinh tế quốc tế; Thông kê kinh tế; Toán kinh tế; Kinh tế số.	1. Khoa học quản lý (3tc) 2. Kinh tế học (3tc) 3. Lịch sử kinh tế quốc dân (3tc)
Ngành phù hợp Nhóm 2 <i>Thí sinh dự thi có ít nhất 12 tháng công tác trong lĩnh vực liên quan đến ngành dự thi</i>	Kinh tế công nghiệp; Kinh tế xây dựng; Kinh tế vận tải; Kinh tế gia đình; Kinh tế tài nguyên; Quản lý kinh tế; Giáo dục công dân; Giáo dục chính trị; Khoa học chính trị; Kinh doanh xuất bản; Quản lý công; Xây dựng đảng và chính quyền nhà nước; Xã hội học; Luật kinh tế; Kinh doanh; Tài chính - ngân hàng-Bảo hiểm; Kế toán-Kiểm toán; Quản trị-Quản lý; Quản lý công nghiệp; Quản lý xây dựng; Kinh doanh nông nghiệp; Kinh tế nông nghiệp; Kinh tế vận tải; Kinh tế tài nguyên thiên nhiên; Quản lý giáo dục; Quản lý văn hóa; Chính trị học; Quản lý nhà nước; Quản lý thông tin; Kinh doanh xuất bản phẩm; Kinh doanh; Tài chính - Ngân hàng - Bảo hiểm; Kế toán - Kiểm toán; Quản trị - Quản lý	1. Khoa học quản lý (3tc) 2. Kinh tế học (3tc) 3. Lịch sử kinh tế quốc dân (3tc) 4. Quản trị nhân lực (3tc) 5. Quản lý nhà nước về kinh tế (3tc)
Ngành phù hợp Nhóm 3 <i>Thí sinh dự thi có ít nhất 24 tháng công tác</i>	Truyền thông đại chúng; Công nghệ truyền thông; Truyền thông quốc tế; Quan hệ công chúng; Quan hệ quốc tế; Quan hệ công chúng; Ngôn ngữ Anh; Triết học; Chủ nghĩa xã hội khoa học; Lịch sử; Truyền thông đa phương tiện; Truyền thông đại chúng; Quảng cáo; Công tác xã hội; Xuất bản và phát hành; Tâm lý học; Địa lý học; Quốc tế học; Quản lý công	1. Khoa học quản lý (3tc) 2. Kinh tế học (3tc) 3. Quản trị nhân lực (3tc) 4. Lịch sử kinh tế quốc dân (3tc)

<i>trong lĩnh vực liên quan đến ngành dự thi</i>	nghệ thông tin; Quản lý Hệ thống thông tin; Quản lý công nghiệp; Quản lý năng lượng; Logistics và quản lý chuỗi cung ứng; Quy hoạch vùng và đô thị; Quản lý đô thị và công trình	5. Quản lý nhà nước về kinh tế (3tc) 6. Lý thuyết tài chính tiền tệ (3tc) 7. Phương pháp nghiên cứu quản lý kinh tế (2tc)
--	---	--

TT	Ngôn ngữ	Chứng chỉ/văn bằng	Trình độ/thang điểm	
			Tương đương bậc 3	Tương đương bậc 4
1	Tiếng Anh	TOEFL iBT	30-45	46-93
		TOEFL ITP	450-499	
		IELTS	4.0 - 5.0	5.5 -6.5
		Cambridge Assessment English	B1 Preliminary/B1 Business Preliminary/ Linguaskill. Thang điểm: 140-159	B2 First/B2 Business Vantage/ Linguaskill. Thang điểm: 160-179
		TOEIC (4 kỹ năng)	Nghe: 275-399 Đọc: 275-384 Nói: 120-159 Viết: 120-149	Nghe: 400-489 Đọc: 385-454 Nói: 160-179 Viết: 150-179
		Aptis ESOL International Certificate (Aptis ESOL	110-125	126-164
2	Tiếng Pháp	CIEP/Alliance francaise diplomas	TCF: 300-399 Văn bằng DELF B1 Diplôme de Langue	TCF: 400-499 Văn bằng DELF B2 Diplôme de Langue
3	Tiếng Đức	Goethe - Institut	Goethe-Zertifikat B1	Goethe-Zertifikat B2
		The German TestDaF language certificate	TestDaF Bậc 3 (TDN 3)	TestDaF Bậc 4 (TDN 4)
4	Tiếng Trung Quốc	Hanyu Shuiping Kaoshi (HSK)	HSK Bậc 3	HSK Bậc 4
5	Tiếng Nhật	Japanese Language Proficiency Test (JLPT)	N4	N3

Người có thời gian công tác hai năm liên tục trở lên (tính đến ngày nộp hồ sơ đăng ký dự thi) tại các xã thuộc vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn ở các địa phương miền núi, vùng cao, vùng sâu, hải đảo (Những người này phải có quyết định tiếp nhận công tác hoặc biệt phái công tác của cấp có thẩm quyền);

Thương binh, bệnh binh, người có giấy chứng nhận được hưởng chính sách như thương binh;

Con liệt sĩ;

Anh hùng lực lượng vũ trang, anh hùng lao động, người có công với cách mạng;

Người dân tộc thiểu số ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn;

Con nạn nhân chất độc màu da cam.

b. Chính sách ưu tiên:

Người dự thi thuộc đối tượng ưu tiên được cộng một điểm vào kết quả thi (thang điểm 10) cho môn cơ bản;

Người thuộc nhiều đối tượng ưu tiên chỉ được hưởng chế độ ưu tiên của một đối tượng.

3.2.1.4. Dự kiến quy mô tuyển sinh

- Từ năm 2024-2025: tuyển 15-20 học viên/năm

- Từ năm 2025-2026: tuyển 20-25 học viên/năm

- Từ năm 2026 trở đi: tuyển 25-30 học viên/năm

3.2.1.5. Dự kiến mức học phí đào tạo

Theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.

3.2.2. Kế hoạch đào tạo

3.2.3.1. Thời gian đào tạo

Thời gian đào tạo sẽ căn cứ vào quy định của Giám đốc Học viện Báo chí và Tuyên truyền là 2 năm (24 tháng, tính đến thời điểm bảo vệ luận văn chính thức cấp Học viện).

3.2.3.2. Kế hoạch giảng dạy chung

TT	Mã học phần	Tên học phần	Học kỳ			
			1	2	3	4
1	CHTM01001	Triết học	x			
2	CHTG01002	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	x			

6	Tiếng Nga	ТРКИ - Тест по русскому языку как иностранному	ТРКИ-1	ТРКИ-2
---	-----------	--	--------	--------

3.2.1.2. Hình thức tuyển sinh

Thi tuyển và xét tuyển: Thực hiện theo quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ hiện hành

Một là, thi tuyển, môn thi tuyển sinh

+ Môn chủ chốt: Triết học Mác-Lênin

+ Môn chuyên ngành: Quản lý kinh tế

+ Môn Ngoại ngữ: Tiếng Anh

Miễn thi môn tiếng Anh đối với các thí sinh thuộc một trong các đối tượng sau:

+ Có bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành ngôn ngữ nước ngoài; hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên mà chương trình được thực hiện chủ yếu bằng ngôn ngữ nước ngoài;

+ Có bằng đại học tốt nghiệp trình độ đại học trở lên do Học viện Báo chí và Tuyên truyền cấp mà chuẩn đầu ra của chương trình đã đáp ứng yêu cầu ngoại ngữ đạt trình độ bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam mà thời gian không quá 2 năm kể từ ngày ký.

+ Một trong các văn bằng hoặc chứng chỉ ngoại ngữ đạt trình độ tương đương bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam Quy định dưới đây hoặc các chứng chỉ tương đương khác do Bộ Giáo dục và Đào tạo đã phê duyệt, còn hiệu lực tính đến ngày đăng ký dự tuyển.

Trong trường hợp cần thiết, Giám đốc Học viện sẽ thẩm định chứng chỉ hoặc thành lập Hội đồng kiểm tra năng lực ngoại ngữ của các thí sinh đã có chứng chỉ, kết quả kiểm tra sẽ được sử dụng làm kết quả chính thức để xét miễn thi đầu vào, đầu ra về ngoại ngữ tại Học viện hoặc hủy kết quả thi, xét đầu vào nếu phát hiện sai phạm.

- Thí sinh không thuộc diện miễn thi môn Ngoại ngữ phải thi môn tiếng Anh đánh giá năng lực ngoại ngữ đầu vào trong kỳ thi tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ.

Hai là, xét tuyển:

Áp dụng cho đối tượng tuyển sinh là người nước ngoài; đối tượng đã có một bằng thạc sĩ hoặc tiến sĩ.

3.2.1.3. Đối tượng và chính sách ưu tiên

a. Đối tượng:

TT	Mã học phần	Tên học phần	Học kỳ			
			1	2	3	4
3	CHCT01003	Chính trị học nâng cao	x			
4	CHKT03009	Thực tế kinh tế xã hội 1	x			
5	CHKT03010	Thực tế kinh tế xã hội 2			x	
6	CHKT01	Lý thuyết kinh tế vi mô và ứng dụng	x			
7	CHKT02	Lý thuyết kinh tế vĩ mô và ứng dụng		x		
8	CHKT03	Kinh tế phát triển bền vững		x		
9	CHKT03050	Sự tiến triển của các lý luận về quản lý kinh tế trong lịch sử	x			
10	CHKT04	Những vấn đề cơ bản của quan hệ kinh tế quốc tế trong thời đại ngày nay		x		
11	CHKT15	Những vấn đề quản lý kinh tế hiện đại	x			
12	CHKT03051	Kế hoạch hóa phát triển kinh tế		x		
13	CHKT03052	Khoa học kiểm soát trong quản lý kinh tế		x		
14	CHKT03053	Khoa học tổ chức trong quản lý kinh tế		x		
15	CHKT03054	Khoa học lãnh đạo trong quản lý kinh tế			x	
16	CHKT03055	Quản lý tài chính công			x	
17	CHKT10	Giá trị học thuyết kinh tế của C.Mác trong thời đại ngày nay.			x	
18	CHKT11	Giá trị học thuyết kinh tế của V.I.Lênin trong thời đại ngày nay.			x	

TT	Mã học phần	Tên học phần	Học kỳ			
			1	2	3	4
19	CHKT13	Những vấn đề KTCT trong thời kỳ quá độ lên CNXH			x	
20	CHKT03011	Phân tích chính sách kinh tế: lý thuyết và ứng dụng			x	
21	CHKT03013	Luận văn/sản phẩm tốt nghiệp				x

Khối Kiến thức chung (Triết học, Phương pháp luận nghiên cứu khoa học, Chính trị học nâng cao) được tổ chức học trước, sau đó là các học phần thuộc Khối Kiến thức cơ sở và chuyên ngành. Trong đó, các học phần bắt buộc và lựa chọn của hai khối này được mở xen kẽ nhau. Việc giảng dạy được tổ chức theo các lớp khóa học và lớp học phần. Lớp khóa học được tổ chức cho những người cùng một chương trình đào tạo trong cùng một khóa học ổn định từ đầu đến cuối mỗi khóa học. Lớp học phần được tổ chức cho những người đăng ký học cùng một học phần trong học kỳ. Số lượng học viên tối thiểu cho mỗi lớp học phần do nhà trường quy định dựa trên đội ngũ giảng viên và cơ sở vật chất của đơn vị. Lớp học phần sẽ không được tổ chức khi số lượng người đăng ký ít hơn số quy định tối thiểu này. Khi đó, học viên có thể đăng ký học phần khác hoặc đăng ký vào những học kỳ sau. Giảng viên học phần trực tiếp phụ trách lớp học phần.

Tham gia giảng dạy là những cán bộ giảng dạy cơ hữu của Khoa và Học viện, kết hợp mời giảng viên kiêm nhiệm và giảng viên thỉnh giảng (có hợp đồng với Học viện). Giảng viên tham gia giảng dạy được lựa chọn dựa trên tiêu chí chính như bằng cấp, trình độ chuyên môn, kinh nghiệm, năng lực sư phạm, đạo đức nghề nghiệp,...

Số lượng tín chỉ mỗi học viên đăng ký trong mỗi học kỳ tối thiểu là 6 tín chỉ và tối đa là 18 tín chỉ. Trường hợp học viên có nguyện vọng đăng ký học phần ít hơn số tín chỉ tối thiểu trong một học kỳ, phải có sự đồng ý của thủ trưởng đơn vị đào tạo.

Điểm đánh giá học phần (gọi là điểm học phần) là điểm trung bình có trọng số của các điểm đánh giá bộ phận (gồm điểm kiểm tra thường xuyên, điểm báo cáo thảo luận, điểm kiểm tra định kỳ trên lớp,...) và điểm thi kết thúc học phần. Trọng số các điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học

phần được quy định trong đề cương học phần, và được công bố cho người học biết ngay khi bắt đầu học phần, trong đó điểm thi kết thúc học phần là bắt buộc và có trọng số không dưới 60%. Các điểm bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm từ 0 tới 10, lẻ đến 0,5. Điểm học phần được tính theo trọng số và làm tròn đến một chữ số thập phân và được chuyển thành điểm chữ.

Đề tài luận văn và cán bộ hướng dẫn luận văn cao học cho học viên được đơn vị chuyên môn đề nghị và thủ trưởng cơ quan đào tạo phê duyệt trước khi kết thúc thời gian đào tạo 12 tháng.

3.2.3.3. Điều kiện làm luận văn và tốt nghiệp thạc sĩ

a. Điều kiện làm luận văn

Học viên được bảo vệ luận văn khi có đủ các điều kiện sau:

Đã tích lũy đủ số tín chỉ theo yêu cầu của chương trình đào tạo thạc sĩ và hoàn thành luận văn trong thời gian đào tạo tối đa cho phép, có điểm trung bình chung tích lũy các môn học đạt từ 2.0 trở lên;

Đạt yêu cầu về trình độ ngoại ngữ theo chuẩn đầu ra được quy định tại Quy chế đào tạo Sau đại học của Học viện Báo chí và Tuyên truyền;

Có đơn đề nghị được bảo vệ và cam đoan danh dự về kết quả nghiên cứu trung thực, có ý kiến xác nhận của cán bộ hướng dẫn luận văn đạt yêu cầu theo quy định của Học viện Báo chí và Tuyên truyền;

Không bị truy cứu trách nhiệm hình sự và không trong thời gian bị kỷ luật đình chỉ học tập;

Không bị tố cáo theo quy định của pháp luật về nội dung khoa học trong luận văn;

Đã hoàn thành các thủ tục hành chính theo quy định của đơn vị đào tạo.

Việc tổ chức đánh giá luận văn thực hiện theo Quy chế đào tạo Sau đại học của Học viện Báo chí và Tuyên truyền đã được phê duyệt.

b. Điều kiện tốt nghiệp

Để được tốt nghiệp chương trình đào tạo thạc sĩ Quản lý hoạt động đối ngoại ở Học viện Báo chí và Tuyên truyền, học viên cần đạt được:

Tích lũy đủ số tín chỉ cần thiết trong thời gian quy định.

Tham gia đủ các buổi lên lớp theo quy định, thời gian tự học, thảo luận nghiên cứu thực tế.

Đạt điểm từ trung bình trở lên trong các lần kiểm tra, kỳ thi hết môn.

Bảo vệ luận văn tốt nghiệp đạt điểm từ trung bình trở lên (thang điểm 10).

Chấp hành tốt nội quy, quy định đào tạo của Học viện, quy chế đào tạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo, không vi phạm pháp luật, không bị các hình thức kỷ luật từ cảnh cáo trở lên.

3.2.3.2. Kế hoạch phân kỳ các học phần

TT	Mã học phần	Tên học phần	Học kỳ				Cán bộ giảng dạy
			1	2	3	4	
1	CHTM01001	Triết học	x				PGS, TS. Nguyễn Minh Hoàn TS. Trần Hải Minh
2	CHTG01002	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	x				TS. Phan Thanh Hải TS. Bùi Minh Hải
3	CHCT01003	Chính trị học nâng cao	x				TS. Võ Thị Hoa TS. Phạm Thị Hoa
4	CHKT03009	Thực tế kinh tế xã hội 1	x				TS. Nguyễn Thị Hồng Lâm
5	CHKT03010	Thực tế kinh tế xã hội 2			x		TS. Nguyễn Minh Nguyệt
6	CHKT01	Lý thuyết kinh tế vi mô và ứng dụng	x				TS. Bùi Thị Tiến TS. Lê Thị Thúy
7	CHKT02	Lý thuyết kinh tế vĩ mô và ứng dụng		x			TS. Lê Thị Thúy TS. Bùi Thị Tiến
8	CHKT03	Kinh tế phát triển bền vững		x			TS. Đồng Văn Phường TS. Lê Thị Thúy
9	CHKT03050	Sự tiến triển của các lý luận về quản lý kinh tế trong lịch sử	x				TS. Trần Thị Ngọc Minh TS. Nguyễn Thị Hồng Lâm
10	CHKT04	Những vấn đề cơ bản của		x			TS. Nguyễn Thị Khuyên

TT	Mã học phần	Tên học phần	Học kỳ				Cán bộ giảng dạy
			1	2	3	4	
		quan hệ kinh tế quốc tế trong thời đại ngày nay					PGS.TS. Phạm Thái Quốc TS. Nguyễn Đức Toàn
11	CHKT15	Những vấn đề quản lý kinh tế hiện đại	x				TS. Nguyễn Thị Khuyên PGS.TS Phan Minh Đức
12	CHKT03051	Kế hoạch hóa phát triển kinh tế		x			TS. Nguyễn Thị Khuyên TS. Nguyễn Đức Toàn
13	CHKT03052	Khoa học kiểm soát trong quản lý kinh tế		x			TS. Nguyễn Bảo Thư TS. Nguyễn Thị Hồng Lâm
14	CHKT03053	Khoa học tổ chức trong quản lý kinh tế		x			TS. Nguyễn Bảo Thư PGS.TS. Bùi Văn Huyền
15	CHKT03054	Khoa học lãnh đạo trong quản lý kinh tế			x		TS. Nguyễn Thị Kim Thu TS. Nguyễn Minh Nguyệt
16	CHKT03055	Quản lý tài chính công			x		TS. Nguyễn Đức Toàn TS. Bùi Thị Tiến
17	CHKT10	Giá trị học thuyết kinh tế của C.Mác trong thời đại ngày nay.			x		TS. Nguyễn Thị Kim Thu TS. Nguyễn Thị Khuyên
18	CHKT11	Giá trị học thuyết kinh tế của V.I.Lênin			x		TS. Trần Thị Ngọc Minh TS. Nguyễn Thị

TT	Mã học phần	Tên học phần	Học kỳ				Cán bộ giảng dạy
			1	2	3	4	
		trong thời đại ngày nay.					Khuyên
19	CHKT13	Những vấn đề KTCT trong thời kỳ quá độ lên CNXH			x		TS. Trần Thị Ngọc Minh TS. Nguyễn Thị Hồng Lâm
20	CHKT03011	Phân tích chính sách kinh tế: lý thuyết và ứng dụng			x		TS. Nguyễn Bảo Thư
21	CHKT03013	Luận văn/sản phẩm tốt nghiệp				x	

3.2.3. Kế hoạch đảm bảo chất lượng đào tạo

3.2.3.1. Kế hoạch nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên

Trong vòng 05 năm tới, Khoa dự kiến sẽ có thêm 3 Phó giáo sư từ nguồn Tiến sĩ của khoa, 05 tiến sĩ từ đội ngũ giảng viên của khoa đang theo học nghiên cứu sinh. Đồng thời bổ sung thành viên trong ban chủ nhiệm khoa nhằm đáp ứng yêu cầu quản lý, từ 02 thành viên hiện tại lên 03 thành viên phụ trách các bộ môn Kinh tế chính trị và Quản lý kinh tế.

Về định hướng dài hạn, khoa dự kiến sẽ liên tục nâng cao chất lượng nhân lực với yêu cầu giảng viên phải có khả năng giảng dạy chuyên ngành bằng tiếng Anh để đáp ứng nhu cầu đào tạo của xã hội trong thời gian tới.

3.2.3.2. Kế hoạch hợp tác quốc tế

Về định hướng hợp tác quốc tế, khoa dự kiến sẽ hợp tác với nhiều giảng viên thỉnh giảng ở nước ngoài và các giảng viên ở các trường đại học lớn trong nước. Tổ chức thực tế ở nước ngoài cho học viên. Tìm kiếm, phát triển các đối tác hợp tác đào tạo ở các trường đại học hàng đầu Việt Nam như đại học Kinh tế quốc dân, đại học Kinh tế Thành Phố Hồ Chí Minh, Đại học Ngoại thương...

3.2.3.3. Kế hoạch phát triển cơ sở vật chất

a. Phòng học, giảng đường, trang thiết bị hỗ trợ giảng dạy

Phòng thực hành trang thiết bị hỗ trợ giảng dạy:

TT	Tên	Các trang thiết bị chính	Số lượng
1.	Phòng thực hành Ảnh báo chí	- Máy ảnh Canon EOS D1200. - Máy ảnh Nikon D800. - Máy tính bàn DELL. - Đèn chụp ảnh	1
2.	Phòng thực hành Xuất bản báo in	- Máy tính bàn. - Máy chủ DELL. - Máy in. - Máy chiếu. - Âm thanh.	1
3.	Phòng thực hành Báo chí - Truyền thông	- Máy tính bàn. - Máy in khổ A3. - Máy chiếu. - Âm thanh.	2
4.	Phòng thực hành Phát thanh - Thu thanh	- Bộ trộn tín hiệu. - Micro. - Loa kiểm âm. - Máy ghi âm KTS.	1
5.	Phòng thực hành quay phim	- Máy quay phim. - Bộ bàn trộn hình Full HD. - Bộ ghi hình Full HD. - Mixer Audio Soundcraft. - Mixer Video SONY. - Tivi - Cầu (Boom Camera). - Ray (Doll Camera). - Bàn ghế trường quay. - Đèn trường quay	1
6.	Phòng thực hành quay phim (Trường quay ảo)	- Máy quay HD HXC-FB75KC. - Bộ điều khiển máy quay HXCU-FB70. - Hệ thống nhắc lời QPRO17. - Hệ thống bàn trộn hình HVS-110.	1

		- Hệ thống chuyển mạch tín hiệu 1616HD-3G. - Hệ thống kiểm tra tín hiệu Video (Tivi KD-43X8000E). - Hệ thống trường quay ảo 3D thời gian thực. - Hệ thống phát file. - Hệ thống streaming, quản lý khai thác tư liệu video, truyền hình hội tụ. - Hệ thống thu ghi tín hiệu. - Thiết bị thu/phát tín hiệu. - Hệ thống xử lý tín hiệu và tạo xung đồng bộ. - Hệ thống thiết bị intercom và audio. - Hệ thống ánh sáng trường quay. - Bàn ghế sofa dùng cho talkshow .	
7.	Phòng thực hành dựng hình.	- Máy quay XDCAM HD422. - Máy tính bàn. - Máy chiếu. - Máy in khổ A3.	1
8.	Phòng thực hành học Ngoại ngữ (LAB)	- Máy tính bàn. - Máy chiếu. - Tai nghe.	4
9.	Phòng thực hành Xuất bản	- Máy tính bàn. - Máy chiếu. - Máy Scan. - Máy Phôtô.	1
10.	Phòng thực hành Báo mạng điện tử	- Máy tính bàn. - Máy chiếu. - Tai nghe.	1
11.	Phòng thực hành tin học	- Máy tính bàn. - Máy chiếu.	4

Thống kê phòng học:

TT	Loại phòng	Số lượng	Diện tích sàn xây dựng (m ²)
1	Hội trường, giảng đường, phòng học các loại, phòng đa năng, phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên cơ hữu	251	18.024
1.1.	Hội trường, phòng học lớn trên 200 chỗ	01	1.450
1.2.	Phòng học từ 100 - 200 chỗ	10	1.317
1.3.	Phòng học từ 50 - 100 chỗ	57	3.990
1.4.	Số phòng học dưới 50 chỗ	29	1.362
1.5	Số phòng học đa phương tiện	01	100
1.6	Phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên cơ hữu	153	9.805
2	Thư viện, Trung tâm học liệu	6	3.914
3	Trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập	17	3.709
4	Nhà để xe	02	404
5	Nhà Y tế	02	120
6	Nhà ở KTX (phòng)	453	23.723
7	Khu thể thao	3	6.039
8	Khu dịch vụ	4	3.392
9	Phòng chờ GV	10	350
10	Khu WC	10	420
	Tổng		60.095

b. Học liệu phục vụ học tập, giảng dạy

Trung tâm Thông tin khoa học của Học viện có các sách chuyên khảo, tài liệu phục vụ nghiên cứu, giảng dạy, học tập các ngành. Đặc biệt, hệ thống thư viện đáp ứng nhu cầu đa dạng của người đọc với các phòng như: Phòng đọc sách, phòng đọc tạp chí, phòng mượn, phòng ngoại văn. Hoạt động nghiệp vụ thư viện đã được tin học hóa giúp cho việc khai thác và quản lý tài liệu được hiệu quả. Nhà trường cũng có Thư viện điện tử hiện đại trang bị hệ thống sách, giáo trình tài liệu tham khảo phong phú, đa dạng. Bạn đọc có thể đọc toàn văn tài liệu số theo địa chỉ: <http://thuvien.ajc.edu.vn:8080/dspace>.

TT	Khối ngành đào tạo/Nhóm ngành	Số lượng
1.	Khối ngành III	3.097 tài liệu, trong đó 1.996 tài liệu in, 1131 tài liệu số.
2.	Khối ngành VII	36.251 tài liệu, trong đó: 27.132 tài liệu in; 9,119 tài liệu số.

Thống kê giáo trình, bài giảng

TT	Phân loại	Số lượng	Ghi chú
1	Giáo trình in sách	5 cuốn	
2	Giáo trình nội bộ	15 cuốn	
3	Sách chuyên khảo	30 cuốn	
4	Sách tham khảo	50 cuốn	
5	Đề cương bài giảng	5 cuốn	

3.2.3.4. Kế hoạch hợp tác với đơn vị sử dụng lao động

Khoa Kinh tế chính trị có mối quan hệ hợp tác lâu dài với các trường chính trị các tỉnh, các trường đại học, cao đẳng, các cơ quan quản lý nhà nước các cấp, các tổ chức chính phủ, phi chính phủ, các doanh nghiệp, các cơ quan báo chí, truyền thông... để nâng cao chất lượng đội ngũ nhân lực quản lý, lãnh đạo của các đơn vị này bằng cách gửi các văn bản truyền thông về chương trình đào tạo thạc sĩ Quản lý kinh tế và đề nghị ký kết hợp tác lâu dài.



GIÁM ĐỐC

Phạm Minh Sơn